

Bưu Lịch

vấn-đề
thân-tộc

Viện Khảo - Cổ

BỬU - LỊCH
Giám-đọc Viện Khảo-Cò

VẤN - ĐỀ
THÂN - TỘC

VIỆN KHẢO-CÒ
TỔNG-BỘ VĂN-HÓA XÃ-HỘI
IN LẦN THỨ NHẤT
1966

PHẦN I

Danh-từ thân-tộc

I

Định nghĩa

Danh-từ thân-tộc là danh-từ mà ta dùng để gọi bà con của ta. Ví-dụ tôi gọi anh của cha tôi là Bác, em gái của mẹ tôi là Di, em gái cha tôi là Cô. Danh-từ thân-tộc có một ý-nghĩa xã-hội tương-đối. Ngày nay ta không quả-quyết như Radcliffe-Brown và Tax rằng những thân-thuộc mà ta đối-xử giống nhau sẽ được gọi bằng một danh-từ, những thân-thuộc mà ta đối-xử khác nhau sẽ được gọi bằng nhiều danh-từ khác nhau. Trái lại, ta có thể có những cách đối-xử khác nhau mà chẳng có những danh-từ khác nhau, hoặc những danh-từ khác nhau mà chẳng có những cách đối-xử khác nhau.

Có mấy cách xử-dụng những danh-từ thân-tộc ? Thế nào là cơ-cấu ngôn-ngữ của những danh-từ ấy ? Phạm-vi ứng-dụng của những danh-từ này là gì ? Đó là 3 mục chính của bài khảo-sát này.

II

Cách xử-dụng

Danh-từ thân-tộc có thể *trực-xung* (direct address) có thể *gián-xung* (indirect reference).

Danh-từ trực-xung là danh-từ ta dùng khi ta nói thẳng với một người bà-con của ta. Vậy nó là thành-phần của sự đối-xử bằng ngôn-ngữ, một đặc-điểm của mối liên-quan giữa người và người.

Danh-từ gián-xung là danh-từ ta dùng để chỉ hay nói đến một người bà-con của ta với một người thứ ba khác. Như vậy nó không phải là thành-phần của sự đối-xử giữa cá-nhân. Nó xác-định và ghi-chép ngôi-vị thân-tộc của một người nào đấy.

Tuy nhiên sự phân-biệt *trực-xung* / *gián-xung* là một sự phân-biệt tương-đối. Chẳng hạn ở Anh-cát-lợi phần lớn những danh-từ chỉ bà-con cùng một huyết thống (consanguineal relatives) vừa *trực-xung* vừa *gián-xung*, mặc dầu 2 danh-từ nephew và niece ít khi *trực-xung*. Những danh-từ nhân-tộc (affinal relatives) cũng ít khi *trực-xung*. Để thay thế những danh-từ ấy, ta dùng hoặc tên tục hoặc danh-từ thân-tộc. Ví-đụ người Anh gọi bà

gia họ (mother-in-law) là mẹ (mother), ông gia họ (stepfather) là cha (father).

Những danh-từ trực-xưng Anh-cát-lợi thường là những súc-nghĩa-từ hay là những danh-từ thân-mật: ví-đụ: grandpa, granny, auntie, dad, papa, ma, mummy, hubby, sis, sonny.

Danh-từ gián-xưng đích-xác hơn danh-từ trực-xưng. Danh-từ gián-xưng mother chỉ người mẹ thật. Danh-từ trực-xưng mother có thể chỉ bà gia, bất kỳ một người đàn-bà nào lớn tuổi cùng với người mẹ thật. Danh-từ gián-xưng đầy đủ hơn danh-từ trực-xưng vì ta có thể dùng tên tục để xưng hô với bà con ta, hoặc nhiều thứ cấm kỵ không cho phép ta giao-thiệp với nhiều loại bà con ta cho nên những danh-từ trực-xưng chỉ những bà con ấy mới thiếu sót đi. Danh-từ gián-xưng vì những lẽ trên cũng ít khi trùng lẫn với nhau hơn là những danh-từ trực-xưng. Thế cho nên danh-từ gián-xưng là đối-tượng của sự nghiên-cứu về danh-từ thân-tộc.

Ở Việt-Nam ta cũng có 2 loại danh-từ trực-xưng và gián-xưng: Ba, BỐ, Thầy, Cậu... (trực-xưng) / Cha (gián-xưng); U, Má, Me, Mãng (mượn chữ Maman của Pháp)... (trực-xưng) / Mẹ (gián-xưng). Hai ví-đụ này cũng cho ta thấy thêm rằng sự khác nhau giữa danh-từ trực-xưng và danh-từ gián-xưng là một sự khác nhau giữa những thổ-ngữ và quốc-ngữ. Trong sách Việt-Nam phong-tục, Phan-kế-Binh đã cho ta

thấy sự biến-đổi của danh-từ gián-xưng cha / mẹ tùy vùng tùy miền : Bố / Đẻ, Thầy / U, Bầm = mẹ (Hưng-Hóa), Bụ = mẹ (Nam), Tia / Má, Chú / Thím, Cậu / Mợ, Anh / Chị (nhà hiếm hoi), Cái = Mẹ (xưa kia). Thia = Cha, Bu = mẹ, Vú = mẹ. Những ví-đụ này cho ta thấy thêm rằng danh-từ trực-xưng không những biến-đổi tùy vùng tùy miền mà lại còn tùy hoàn-cảnh xã-hội, gia-đình, tùy lúc tùy thời.

Linh-mục Cadière trong sách *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens* đã cho ta một số danh-từ thân mật, kỳ-quặc, dơ-bẩn... dùng để xưng-hô với con-cái : Đổ (xích-tử, đưa con nhỏ mới lọt lòng), Nhỏ, Chít, Chút, Chịt ; Vện, Muông, Cây, Chó, Đệt ; Đốc, Cu, Xin ; Mệt (đồng-nghĩa với Rổ hay Tràng ; điềm tốt : đưa con gái mang tên này lớn lên sẽ đảm-đang, tháo-vát...).

Cũng như trong trường-hợp Anh-cát-Lợi, những danh-từ nhân-tộc Việt-Nam ít khi được dùng để trực-xưng. Tên tục và danh-từ thân-tộc lại được dùng đến trong trường-hợp này.

Ví-đụ : Những danh-từ Dâu, Rề, Ông gia, Bà gia không bao giờ được dùng để trực-xưng.

III

Cơ-cấu ngôn-ngữ

Có 3 thứ danh-từ thân-tộc : danh-từ đơn, danh-từ kép và giải-từ.

Danh-từ thân-tộc đơn là một danh-từ tối-giản mà ta không có thể phân-tích ra từng thành-phần từ-ngữ có một ý-nghĩa thân-tộc.

Vi-du : Mother, Mère, Mẹ ; Father, Père, Cha ; Tante, Aunt, Cô ; Oncle, Uncle, Chú...

Danh-từ thân-tộc kép là một danh-từ gồm có 1 danh-từ đơn và 1 hay nhiều danh-từ khác vốn không có một ý-nghĩa thân-tộc.

Vi-du : Grandfather, Grand'père, Ông nội, Ông ngoại ; Belle-soeur, Belle-mère, Sister-in-law, Mother-in-law ; Ông cố, Bà cố... (Grand, Belle, in-law, cố... không có ý-nghĩa thân-tộc)

Giải-từ (1) phối-hợp hai hoặc nhiều danh-từ

(1) Tôi phải rèn chữ này với hai chữ : « giải-thích » và « danh-từ », cốt để cho thấy giá-trị giải-thích của loại danh-từ thân-tộc này.

đơn(có ý-nghĩa thân-tộc) để chỉ-định một thân-thích nào đấy.

Vi-dụ: Farbror (tiếng Thủy-Điền) chỉ anh em cha.

Trong ngôn-ngữ nào người ta cũng có thể sử-dụng những giải-từ nếu những danh-từ khác mơ-hồ.

Thí-dụ ta hỏi một người Anh muốn ám-chỉ ai khi họ dùng danh - từ «Sister-in-law» ; lúc ấy họ sẽ dùng những giải-từ để trả lời cho ta một cách xác đáng hơn : hoặc là vợ của anh em họ, hoặc là em gái của vợ họ. Ta có thể nêu những thí-dụ Pháp và Việt khác :

ONCLE : frère de mon père hay frère de ma mère (giải-từ).

DÌ : vợ của cha tôi, em gái vợ tôi (*teknonymie*), em gái mẹ tôi (giải-từ).

CHÚ : em cha tôi, em trai tôi (*teknonymie*), chồng cô tôi (giải-từ).

Thật ra ít khi người ta dùng đến giải-từ, trừ phi muốn rõ-ràng, rành-mạch hơn. Nhưng cả một vùng Trung-Phi từ Đông sang Tây thường dùng loại danh-từ này.

IV

Phạm-vi ứng-dụng

Từ hệ-thống biệt xưng (système descriptif) hay hợp xưng (système classificatoire) đến danh-từ biệt-xưng hay hợp-xưng.

L. H. Morgan là người đầu tiên dùng 2 danh-từ biệt xưng và hợp xưng và cũng là người mở đầu cho tất cả những cuộc nghiên-cứu về hệ-thống thân-tộc. Theo ông ta *hệ-thống biệt-xưng* là một hệ-thống phân-biệt một cách rõ-rệt những bà con gần nhất trong tiểu gia-đình : cha, mẹ, con, anh em chị em ruột thịt, với những bà con xa hơn : anh em của cha, anh em của mẹ... tách những bà con gần nhất ấy ra khỏi những bà con xa hơn. Ví-dụ, trong một phần lớn những hệ-thống xưng-hô Âu-châu, ngay trong hệ-thống Việt-Nam không bao giờ cha mẹ, con cái, anh em chị em ruột lẫn lộn với những bà con xa hơn. Người ta không bao giờ gọi anh em của cha mình là cha, chị em của mẹ mình là mẹ, cháu mình là con; anh em chị em ruột thịt khác với anh em chị em họ.

Hệ-thống biệt-xưng có một ý-nghĩa xã-hội :

nó tương-ứng với một tổ-chức xã-hội thừa-nhận địa-vị quan-trọng của tiêu gia-đình gồm có cha, mẹ, con cái chưa có vợ chồng; gia-tộc và thị-tộc thì không còn có một công-dụng hay một phận-sự gì nữa trong tổ-chức xã-hội ấy.

Vào thế-kỷ thứ 18, *Lafitau* đã khám-phá rằng những lối xưng hô của người Da Đỏ Mỹ-Châu khác với những lối xưng hô thường thấy ở Âu-châu. Chúng có những đặc-điểm sau : Trong hai xã-hội Iroquois và Hurons người ta gọi bằng một danh-từ người mẹ và chị em mẹ, bằng một danh-từ người cha và anh em cha. Con cái của mẹ và của chị em mẹ xem nhau như anh em chị em ruột thịt ; con cái của cha và của anh em cha xem nhau như anh em chị em ruột thịt. Trái lại có những danh-từ riêng-biệt cho chị em của cha và anh em của mẹ, cho con của chị em của cha và con của anh em của mẹ. Dùng danh-từ của Lewis Morgan, ta nói họ hợp xưng cha với anh em cha, mẹ với chị em mẹ, con cái của những anh em trai, con cái của những chị em gái ; họ biệt xưng chị em gái của cha, anh em trai của mẹ, con của chị em gái của cha, con của anh em trai của mẹ.

Năm 1871, sau khi đã quan-sát hệ-thống này khắp nhiều nơi trên thế-giới, Lewis Morgan mới gọi nó là hệ-thống hợp xưng khác với hệ-thống biệt xưng mà ta vừa xét trên. Như đã thấy, đặc-điểm đáng chú-ý nhất của hệ-thống hợp xưng theo Lewis Morgan là

ta không phân-biệt thân-thuộc trực-hệ với thân-thuộc bàng-hệ. Và cũng theo triết-lý biến-hóa của tác-giả ấy hệ-thống hợp-xung vì có ít danh-từ hơn hệ-thống biệt-xung nên thua kém hệ-thống này. Hệ-thống hợp-xung là hệ-thống của những xã-hội thô-sơ, hệ-thống biệt-xung là hệ-thống của những xã-hội văn-minh. Luôn luôn theo triết-lý ấy, điều mà trong một xã-hội một người có thể gọi « cha » một lớp người rất đông chứng tỏ rằng xã-hội ấy theo phong tục đa-hôn, chưa biết đơn-hôn. Và chính phong-tục đa-hôn này hay nói cho đúng hơn phong-tục hôn-nhân từng đoàn (mariage de groupe) là giai-đoạn kế tiếp cho giai-đoạn mà theo ông ta loài người chưa biết một qui luật nào hết trong việc hôn-nhân. Giai-đoạn ấy ông ta gọi là promiscuité sexuelle mà tôi tạm dịch là tình-trạng loạn-giao.

Đối với thuyết vừa trình-bày trên của Lewis Morgan, ta có những nhận-xét sau :

1. Tất cả những xã-hội của loài người đều có những quy-luật xác-dịnh hôn-nhân.— Vậy không có tình-trạng loạn giao. Phong tục hôn nhân từng đoàn đúng với danh-nghĩa của nó (một nhóm đàn ông kết hôn với một nhóm đàn bà và cùng có những bần phận, quyền-lợi giống nhau đối với nhóm đàn bà ấy) rất hiếm có. Vậy phong tục này không phải là một giai-đoạn bắt buộc trong một cuộc tiến-hóa chung cho nhân loại. Gọi « cha » một lớp người đàn ông

nào đấy có nghĩa xem họ là cha sinh ra mình chẳng! Không bắt buộc. Nhà nhân-chủng-học Anh-cát-lý Radcliffe-Brown, người chuyên khảo-cứu vùng Úc châu, nơi mà hệ-thống hợp-xung thịnh hành nhất, đã cho ta hay rằng: người Úc gọi « cha » một lớp người rất đông, gọi « mẹ » một lớp người rất đông, gọi « anh em » một lớp người rất đông, nhưng họ vẫn phân biệt ai là cha thật, mẹ thật, anh em thật và ai là « cha hợp xung », « mẹ hợp-xung », « anh em hợp xung ». Ta có thể xem những bà con hợp xung này như là những thân thích đồng hóa vậy. Chẳng hạn ở Việt-nam, ta gọi một người bạn của cha ta là Bác, một người bạn của mẹ ta là Di, dù ta thừa biết rằng họ không phải là Bác thật, Di thật. Radcliffe-Brown nói rằng trong một loại bà con (catégorie), ta nên phân biệt những bậc xa gần khác nhau (degrés).

2. *Ít danh-từ : thô-sơ, nhiều danh-từ : văn-minh?*
 Trước hết một sự-kiện cụ-thể cho thấy sự thật trái hẳn với phán đoán thuần-lý trên : các ngôn-ngữ Đức và La-Mã thời xưa gồm nhiều danh-từ thân-tộc hơn các ngôn-ngữ ngày nay phát xuất từ 2 ngôn-ngữ trên. Ta có thể nói rằng những ngôn-ngữ ấy ngày xưa có xu-hướng biệt-xung, ngày nay có xu hướng hợp-xung.

Hơn nữa Radcliffe-Brown quan-niệm rằng hệ-thống hợp-xung cho phép ta thừa nhận, ghi nhớ

một số thân-thích rộng lớn hơn hệ-thống biệt-xung. Hệ-thống ấy thường áp-dụng nguyên-tắc gọi là nguyên tắc tương-đương (principe d'équivalence), để sắp xếp rất nhiều thân-thuộc vào một số loại nhỏ và có giới hạn. Vì sao một cá nhân X gọi anh em của cha mình là cha? Vì nếu A và B là hai anh em ruột, và nếu X có một quan-hệ thân-tộc nào đấy với A, thì X sẽ có một quan-hệ thân-tộc tương-đương với B. Áp-dụng nguyên-tắc này, X sẽ gọi chị em mẹ nó là mẹ.

Ta có thể nói rằng hệ-thống biệt-xung và hệ-thống hợp-xung biểu-dương hai xu-hướng tri-thức khác nhau. Xu-hướng đề-cao khái-nhiệm nhóm (groupe). Xu-hướng đề-cao khái-nhiệm đơn-vị (individu). Đây là tư-tưởng của Thurnwald. Phỏng theo giáo-sư Lévi-Strauss ta có thể thêm rằng: trong một hệ-thống biệt-xung ta có rất nhiều đơn-vị nhưng một hệ-thống rời-rạc, trong một hệ-thống hợp-xung ta có rất ít đơn-vị nhưng một hệ-thống chắc-chắn.

3. Sự không phân-biệt thân-thuộc trực-hệ với thân thuộc bàng-hệ: Đây chỉ là một trong nhiều đặc-điểm khác của một hệ-thống hợp-xung. Đây chỉ là một trong nhiều tiêu chuẩn khác cho phép xác-nhận tính-chất biệt-xung hay hợp-xung của một hệ-thống. Một hệ-thống có thể hợp-xung vì nó không phân-biệt trực-hệ với bàng-hệ nhưng đồng thời có thể biệt-xung vì thừa nhận những tiêu-chuẩn khác như tiêu-chuẩn thế-hệ, tiêu-chuẩn giống tính... Thế nên

ta sẽ nói rằng không có những hệ-thống biệt-xưng hay hợp xưng, chỉ có những danh-từ biệt-xưng hay hợp-xưng, một xu - hướng biệt-xưng hay một xu hướng hợp-xưng. Vấn đề ít hay nhiều.

Không nói : hệ-thống biệt-xưng hay hệ-thống hợp-xưng ; nhưng nói : danh-từ biệt-xưng hay danh-từ hợp-xưng :

Danh-từ biệt-xưng là danh-từ dùng để chỉ định những thân-thuộc cùng một loại thân-tộc và chỉ dùng để chỉ định những thân-thuộc ấy mà thôi.

Những loại thân-tộc này khi thì chỉ gồm có mỗi một người, khi thì gồm có nhiều người :

MỘT NGƯỜI :

Việt-nam	}	cha
		mẹ
		vợ
		chồng
Anh	}	father
		mother
		husband
		wife
Pháp	}	père
		mère
		mari
		femme

NHIỀU NGƯỜI:

Việt-nam	}	anh em
		chị em
		con cái
Anh	}	brother
		sister
		son
Pháp	}	frère
		sœur
		fils
		fille

Danh-từ hợp-xung là một danh-từ dùng để chỉ-
định 2 hoặc nhiều loại thân-tộc khác nhau.

PHÁP :

Grand-Père	}	père du père
		père de la mère
Grand'mère	}	mère du père
		mère de la mère
Beau-père	}	père du mari
		père de la femme
Belle-mère	}	mère du mari
		mère de la femme

Beau-frère	{	frère de la femme frère du mari mari de la soeur
Belle-soeur	{	soeur de la femme soeur du mari femme du frère
ANH :		
Grandfather	{	father's father mother's father
Grandmother	{	father's mother mother's mother
Brother-in-law	{	wife's brother husband's brother sister's husband
Sister-in-law	{	wife's sister husband's sister brother's wife
Father-in-law	{	husband's father wife's father
Mother-in-law	{	husband's mother wife's mother

VIỆT-NAM :

Di	}	vợ hầu của cha
		chị của mẹ
		em của mẹ
Dượng	}	chồng của cô
		chồng của dì

Nhờ phương-pháp hợp xung, nhờ những danh-từ hợp-xung mà mọi xã-hội có thể giảm bớt được những loại thân-tộc từ con số rất lý-thuyết : 1.000 xuống con số trung-bình : 25.

Như đã biết, Lewis Morgan là người đầu tiên dùng chữ hợp-xung. Nhưng theo thành-kiến triết-lý của ông ấy và của thời-đại ông ta, thành-kiến vẫn tồn-tại ít nhiều, ngày nay, thì không những lối sống của dân thô-sơ là một lối sống tập-thể khác với lối sống của dân văn-minh là một lối sống cá-nhân, mà tất cả những gì liên quan đến dân thô sơ là tập thể khác với tất cả những gì liên quan đến dân văn minh là cá nhân. Ví dụ, hệ-thống thân-tộc thô sơ là một hệ thống hợp-xung; hệ thống thân-tộc văn-minh là một hệ thống biệt xung. Cá-nhân chủ-nghĩa/tập thể chủ-nghĩa.

Nhưng nay ta đã biết rằng đặc-điểm hợp-xung hay biệt-xung không phải là đặc-điểm của một danh-biểu nói chung, của toàn-thể danh-biểu, mà là đặc-điểm của một hay nhiều danh-từ thân-tộc lấy riêng.

Trừ danh-biểu Trung-Phi-Châu mà ta đã thả
trừ danh-biểu này sử-dụng một cách rộng-lớn như
giải-từ, còn phần đông những danh-biểu khác đi
là hợp-xung vì thường dùng phương-pháp hợp-xung.
Nên nhớ rằng 2 danh-biểu văn-minh Âu-châu : Phi
và Anh được xếp vào một loại danh-biểu gọi là *loại*
ESKIMO với những danh-biểu văn-minh và nhất
thô-sơ khác trong ấy có danh-biểu xứ Eskimo.

BẠC THÂN-TỘC, CƠ-CẤU, NGÔN-NGỮ VÀ PHẠM-VI ỨNG-DỤNG

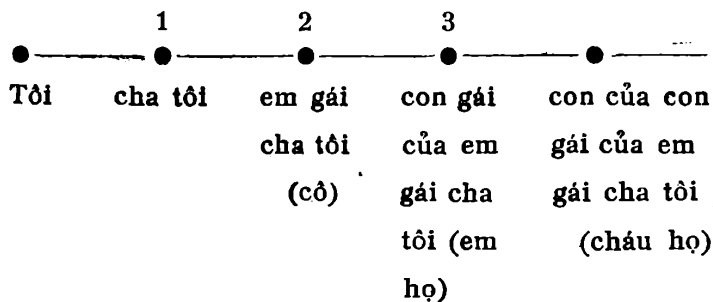
Giữa 3 khái-niệm ấy có những mối liên-quan
nào ? Muốn hiểu bậc thân-tộc là gì ta phải đi từ cái
gọi là *tiểu gia-đình*. *Tiểu gia-đình* là một đoàn-thể
hay một tổ-chức gồm có cha, mẹ, con cái. Trong
tiểu gia-đình ta có thể phân biệt 8 *quan-hệ thân-tộc*
bậc nhất hay bậc 1.

1. vợ / chồng
2. con trai / cha
3. con gái / cha
4. con trai / mẹ
5. con gái / mẹ
6. anh em trai / chị em gái
7. 2 anh em trai
8. 2 chị em gái.

Quan-hệ thân-tộc bậc nhì hay bậc 2 là quan-hệ thiết-lập qua một người bà con làm trung-gian. Ví-dụ, anh của cha tôi (Bác) ; em của vợ tôi ; vợ của em tôi ; cha của mẹ tôi (ông ngoại)

Quan-hệ thân-tộc bậc 3 là quan-hệ thiết-lập qua 2 người bà con làm trung-gian. Ví-dụ, con gái của em trai mẹ tôi (con gái cậu tôi) ; vợ của em cha tôi (thím) ; chồng của em mẹ tôi (dượng) Và cứ tiếp-tục như thế, quan-hệ thân-tộc bậc 4 là quan-hệ thiết lập qua 3 người bà-con làm trung gian ; quan-hệ thân-tộc bậc 5 là quan-hệ thiết-lập qua 4 người bà con làm trung-gian ; *quan-hệ thân tộc bậc $(n+1)$ là quan-hệ thiết-lập qua n người bà con làm trung gian.*

Muốn dễ thấy, ta có thể hình-dung những bậc thân-tộc trên một đường thẳng. Ví-dụ : *Tìm bậc thân-tộc của con của con gái của cô tôi.* (hình 1)



Hình 1

Con của con gái của cô tôi là *thân-thuộc bậc 4 của tôi*, vì trên đường thẳng có 3 người bà con trung gian giữa tôi và người ấy : 1. cha tôi 2. em gái cha tôi (cô) 3. con gái của em gái cha tôi (em họ).

Quan-niệm về bậc thân-tộc vừa trình-bày trên là một quan-niệm 2 lần quan-trọng vì nó cho thấy vai trò trọng-yếu của tiêu gia-đình, vì nó rất giản-tiện : ta có thể xác-định bất kỳ bậc thân-tộc nào bằng cách lấy những quan-hệ bậc 1 trong tiêu gia-đình làm tiêu-chuẩn, phương tiện hay căn-bản.

Sau khi giải thích ý-niệm bậc thân-tộc, ta hãy trở về vấn-đề nêu trên : có những mối liên-quan nào giữa phạm-vi ứng-dụng, cơ-cấu ngôn-ngữ và bậc thân-tộc ?

Trong tiêu gia-đình, những quan-hệ bậc 1 thường được xưng-hô bằng những danh-từ đơn, mặc dầu trong mười xã hội chị em được xưng-hô bằng những giải-từ : con gái của mẹ hay con gái của cha.

Danh-từ thân-tộc bậc 1 có thể biệt-xưng, có thể hợp-xưng. Nhưng nếu hợp-xưng thì thường-thường hợp-xưng một thân-thuộc bậc 1 với một hay nhiều thân-thuộc bậc 2 chứ không hợp xưng những thân-thuộc bậc 1 với nhau. Tuy nhiên có đôi ngoại lệ như :

Epoux	}	mari
		femme
Spouse	}	wife
		husband

Thường-thường tất cả những thân-thuộc bậc 1 đều được phân-biệt với nhau một cách rõ-rệt. Huống-hò đa-số xã-hội đều phân chia thêm trưởng / thứ, làm cho ta nhận định vai-trò riêng-biệt của mỗi 1 đơn-vị trong tiểu gia-đình.

Những thân-thuộc bậc 2, bậc 3 (anh em cha ; con của anh em của cha) cũng có thể được xưng-hô bằng những danh-từ đơn. Nhưng danh-từ kép và giải-từ càng ngày càng thông-dụng.

Danh-từ biệt-xưng chỉ-định thân-thuộc bậc 2 cũng ngày càng hiếm-hoi. Cho đến thân-tộc bậc 3, thì loại hợp-xưng đến thay-thế cho loại biệt-xưng.

Vì những loại thân-thuộc ngày càng gia-tăng: 33 loại thân-tộc bậc 2, 151 loại thân-tộc bậc 3, nên ta phải hợp-xưng bằng một trong hai phương-pháp sau :

Phương-pháp I : Áp-dụng những danh-từ thân tộc bậc 1 cho những thân-thuộc bậc 2, 3,
 Phương-pháp này thông-dụng hơn phương-pháp II.

Có nhiều danh-biểu hợp-xung dưới một danh-từ cha, anh em của cha, anh em của mẹ; hợp-xung dưới một danh-từ mẹ, chị em của mẹ, chị em của cha. Có nhiều danh-biểu lại hợp-xung dưới một danh-từ cha và anh em của cha; hợp-xung dưới một danh-từ mẹ và chị em của mẹ. Tính-chất của những danh-biểu ấy ta sẽ có dịp xét sau.

Phương-pháp II : Hợp-xung dưới một danh-từ nhiều thân-thuộc bậc 2, nhiều thân-thuộc bậc 3 . . . , nhưng biệt xung những thân-thuộc bậc 1 với những thân-thuộc ấy.

Có nhiều danh-biểu hợp-xung dưới một danh-từ anh em của cha và anh em của mẹ; hợp-xung dưới một danh-từ chị em của cha và chị em của mẹ; hợp-xung dưới một danh-từ vợ của em của cha (Việt-nam : thím) và vợ của em của mẹ (Việt-nam : mợ); hợp-xung dưới một danh-từ chồng của em của cha và chồng của em của mẹ... Nhưng những danh-biểu ấy lại hoàn-toàn biệt-xung những đơn-vị trong tiểu gia-đình với những thân-thuộc trên. Đặc-tính của những danh-biểu này ta sẽ có dịp xét sau.

Ta có thể đi xa hơn nữa với *KROEBER* và *LOWIE*. Hai nhà nhân-chủng-học này đã đề-nghị 6 tiêu-chuẩn chính và 3 tiêu-chuẩn phụ để nghiên-cứu vấn-đề hợp-xung và biệt-xung. Một danh-từ thân-tộc nào đấy biệt-xung hay hợp-xung là tùy ở nó thừa nhận hay phủ-nhận một trong 9 tiêu-chuẩn trên. Nói

khác đi, ta gọi một danh-từ thân-tộc là biệt-xưng nếu nó thừa-nhận một trong 9 tiêu-chuẩn trên, là hợp-xưng nếu nó phủ-nhận một trong 9 tiêu-chuẩn ấy.

Sáu tiêu-chuẩn chính ấy là :

- 1/ tiêu-chuẩn *bàng hệ* (collatéralité, collaterality)
- 2/ tiêu-chuẩn *nội/ngoại* (bifurcation)
- 3/ tiêu-chuẩn *thế-hệ* (génération)
- 4/ tiêu-chuẩn *giống tính* hay *nam/nữ* (sex, sexe)
- 5/ tiêu-chuẩn *nhân-lộc* (affinity, alliance)
- 6/ tiêu-chuẩn *hỗ-tương* (polarity, réciprocité)

Ba tiêu-chuẩn phụ ấy là :

- 7/ tiêu-chuẩn *tuổi tác* hay *trưởng / thứ* (âge)
- 8/ tiêu-chuẩn *giống tính người xưng hô*
(speaker's sex)
- 9/ tiêu-chuẩn *sự chết* (décès).

Tiêu-chuẩn bàng-hệ

Đề bắt đầu, ta có thể định-nghĩa sơ-sài thân-thuộc trực-hệ và thân-thuộc bàng-hệ :

Chỉ đếm kể những người đàn ông, những thân-thuộc trực-hệ trên tôi gồm có : cha tôi, ông tôi, cố tôi, cao tôi... Ở những thế-hệ trên tôi không bao giờ có hai hay nhiều thân-thuộc trực-hệ cùng một thế hệ với nhau. Chỉ đếm kể những người đàn ông, những thân-thuộc trực-hệ dưới tôi gồm có : con tôi, cháu tôi, chắt tôi, chít tôi . . .

Thân-thuộc bàng-hệ của tôi là tất cả những thân-thuộc không phải là thân-thuộc trực-hệ của tôi. Những thân thuộc này có thể cùng một thế-hệ (tôi và anh em ruột tôi), có thể khác thế-hệ .

Một cách bình-dân hơn, ta có thể nói như thế này : trong những bà con máu-mủ của tôi, cùng thế-hệ và cùng giống tính với nhau, những bà con trực-hệ là những bà con gần-gũi với tôi hơn những bà con bàng hệ. Ví-dụ : Cha tôi gần tôi hơn Chú, Bác tôi ; Mẹ tôi gần tôi hơn Di tôi ; Ông nội tôi gần tôi

hơn Ông chú , Ông bác tôi ; Ông ngoại tôi gần tôi hơn Ông cậu tôi ; Con ruột tôi gần tôi hơn con của anh em chị em tôi . . .

Danh-biểu Anh, Pháp và Việt-Nam công-nhận rõ rệt tiêu chuẩn bàng-hệ, nên chúng biệt-xưng theo tiêu chuẩn này :

<i>Pháp</i>	}	Père, Oncle (1)
		Mère, Tante
		Grand-père, Grand-oncle
		Grand-mère, Grand-tante
		Fils, Neveu
		Fille, Nièce
<i>Anh</i>	}	Father, Uncle
		Mother, Aunt
		Son, Nephew
		Daughter, Niece

(1) Père, Oncle hay Cha, Chú đọc là → Biệt-xưng Cha với Chú

Père = Oncle hay Cha = Chú đọc là → Hợp - xưng Cha với Chú.

<i>Việt</i>	}	Cha, Chú (Bác)
		Me, Dì
		Ông nội, Ông chú (Ông bác)
		Ông ngoại, Ông cậu
		Con trai, Cháu trai
		Con gái, cháu gái

Tuy nhiên trong danh-biểu Việt-nam, có vài ngoại lệ : nhiều gia-đình gọi cha, mẹ là chú, thím ; nhiều gia-đình khác lại gọi cha, mẹ là cậu, mợ. Trong bài thơ Con Cóc của Lê-thánh-Tôn, ta thấy gọi Cha là Bác :

Bác mẹ sinh ra vốn ảo sời

Xa hơn ta sẽ có dịp bàn đến sự phân-loại (Lowie và Kirchhoff) những danh-biểu ra làm 4 thứ :

- 1.— Nội/ngoại bàng-hệ danh-biểu (Bifurcate collateral terminology).
- 2.— Nội/ngoại hợp-thống danh-biểu (Bifurcate merging terminology),
- 3.— Trục-hệ danh-biểu (Lineal terminology).
- 4.— Thế-hệ danh-biểu (Generation terminology).

Nhưng ở đây ta có thể nói trước rằng danh-biểu Việt-nam là nội ngoại bàng-hệ danh-biểu, danh-

biểu Anh và Pháp là trực-hệ danh-biểu. Cả hai danh-biểu này đều công-nhận tiêu-chuẩn bàng-hệ nghĩa là biệt-xung trực-hệ với bàng-hệ.

Vậy hiện-tượng hợp-xung trực-hệ / bàng-hệ được gọi bằng tiếng Anh chuyên-môn là « merging » được thể-hiện rõ-rệt nhất trong danh-biểu gọi là Nội / ngoại hợp-thống danh-biểu. Cũng nên nhớ rằng một số lớn những xã-hội đều hợp-xung trực-hệ với bàng-hệ.

Song, vấn-đề chính của ta ở đây là xem hiện-tượng hợp-xung trực-hệ / bàng-hệ phát-sinh từ những tổ-chức thân-tộc và những phong-tục hôn-nhân nào, phản-ảnh những phong-tục hôn-nhân và những tổ-chức thân-tộc nào.

Hãy xếp làm 4 loại những phong-tục hôn-nhân và những tổ-chức thân-tộc nguyên-nhân của sự hợp-xung trực-hệ / bàng-hệ :

1.— *Tổ-chức thị-tộc :*

Thị-tộc phụ-hệ và có chỗ ở theo cha, và thị-tộc mẫu-hệ và có chỗ ở theo mẹ có xu-hướng sinh-ra Nội / ngoại hợp-thống danh-biểu.

Trong thị-tộc phụ-hệ và có chỗ ở theo cha, tất cả thân-thuộc một bên, bên cha và nối tiếp nhau từ thế-hệ nọ qua thế-hệ kia, và từ người đàn ông

này qua người đàn ông khác đều sinh-sống chung-chạ với nhau trên một mảnh đất và liên - kết với nhau về nhiều phương-diện : kinh-tế, pháp-luật, xã-hội... Chính do hiện-tượng kế-cận và sự liên-đời ấy mà người ta áp-dụng những danh-từ giống nhau cho hai loại thân thuộc khác nhau : trực-hệ và bàng-hệ.

Sau đây là vài phương-trình hợp-xung :

$$\text{Fa Fa} = \text{Fa Fa Br}$$

$$\text{Fa} = \text{Fa Br}$$

$$\text{So} = \text{Br So}$$

$$\text{Da} = \text{Br Da}$$

$$\text{Cha của Cha} = \text{Anh em của cha của cha}$$

$$\text{Cha} = \text{Anh em của cha}$$

$$\text{Con trai} = \text{Con trai của anh em}$$

$$\text{Con gái} = \text{Con gái của anh em.}$$

Trong thị-tộc mẫu hệ và có chỗ ở theo mẹ, tất cả thân-thuộc một bên, bên mẹ và nối tiếp nhau từ thế-hệ nọ qua thế-hệ kia, và từ người đàn bà này qua người đàn bà khác đều sinh-sống chung-chạ với nhau trên một mảnh đất và liên-kết với nhau về nhiều phương-diện : kinh-tế, pháp-luật, xã-hội... Chính do hiện tượng kế-cận và sự liên-đời ấy mà người ta áp-dụng những danh-từ giống nhau cho hai loại thân thuộc khác nhau : trực-hệ và bàng-hệ.

Sau đây là vài phương-trình hợp-xung :

Mo Mo = Mo Mo Si

Mo = Mo Si

Da = Si Da

So = Si So

Mẹ của Mẹ = Chị em của mẹ của mẹ

Mẹ = Chị em của mẹ

Con gái = Con gái của chị em

Con trai = Con trai của chị em.

2.— *Tổ-chức nhị-phân (Organisation dualiste).*

Là một tổ chức phân-chia mọi đơn-vị hay đoàn-thể xã-hội ra làm hai phần. Ví-dụ trong khắp thành-phố Saigon chỉ có hai họ : Lê và Nguyễn. Một trong những nguyên-nhân của sự hợp-xung trực-hệ / bàng-hệ có thể là tổ-chức này.

Sau đây là vài phương-trình hợp-xung :

Fa = Fa Br

Mo = Mo Si

Cha = Anh em của cha

Mẹ = Chị em của mẹ.

3.— Phong-tục lấy nhiều chị em gái làm vợ.

Phong-tục này gọi bằng tiếng Pháp là Polygynie sororale nên được phân-biệt với phong-tục Sororat. Sororat là phong-tục khuyến-khích một người đàn ông góa vợ lấy chị em gái vợ mình. Polygynie sororale là phong-tục khuyến-khích một người đàn ông lấy nhiều chị em gái làm vợ cùng một lúc. Công-thức đầu ta gọi là công-thức kế-tiếp (formule successive), công-thức sau là công thức đồng thời (formule plurale). Ở đây ta chỉ xét đến công-thức sau.

Với phong-tục lấy nhiều chị em gái làm vợ cùng một lúc, chị em gái của mẹ tôi sống kế-cận với mẹ tôi, con gái của chị em gái của mẹ tôi sống kế-cận với chị em ruột tôi, và con gái của chị em gái của vợ tôi sống kế-cận với con gái tôi. Không cần nhắc lại là cuộc sống chung ấy sẽ sinh ra giữa những loại thân-thuộc trên những mối liên-hệ chặt-chẽ về mặt pháp-luật, kinh-tế, xã-hội, tình cảm. . . Vậy tập-quán này vì liên-kết lại với nhau những thân-thuộc trực-hệ và những thân-thuộc bàng-hệ bên phía người đàn bà, và như thế ngăn-cách họ trên mặt không gian với những thân-thuộc bàng-hệ bên phía đàn ông, vậy tập-quán ấy đề-cao sự phân-biệt nội/ngoại và giảm-thiểu sự phân-biệt trực hệ / bàng-hệ. Như thế tập-quán ấy là một trong những nguồn gốc của nội ngoại hợp-thống danh-biêu, là một trong những nguyên-nhân của sự hợp-xưng trực-hệ / bàng-hệ.

Sau đây là vài phương-trình hợp-xung.

Mo = Mo Si

Da = Wi Si Da

Mẹ = Chị em gái của mẹ

Con gái = Con gái của chị em của
vợ.

Ta không nên làm-lẫn phong tục lấy nhiều chị em gái làm vợ cùng một lúc với phong-tục đa-thê. Phong-tục này sinh ra những hậu-quả trái-ngược hẳn với tập-quán trên. Chế-độ đa thê làm cho mẹ tôi sống chung với những người vợ khác của cha tôi chứ không phải với chị em của mẹ tôi; làm cho chị em gái và con gái của tôi sống chung với chị em ghẻ của chúng chứ không phải với chị em họ song song (1) của chúng. Nói tóm lại, chế-độ đa-thê không phải là nguyên-nhân của sự hợp xung trực-hệ / bàng-hệ như phong-tục lấy nhiều chị em gái làm vợ cùng một lúc.

4. — *Phong - tục lấy nhiều anh em trai làm chồng cùng một lúc*: Như trên, ở đây ta có 2 công-

(1) Chị em họ song-song (cousines parallèles) trong danh-từ nhân-chủng-học, chỉ người chị em con dì, hay người chị em con chú, bác, — Chị em họ chéo (cousines croisées), trong danh-từ nhân-chủng-học, chỉ người chị em con cô, hay người chị em con cậu. — Như thế chị em họ song-song và chị em họ chéo lại được chia ra làm hai loại: nội và ngoại.

thức, công-thức kế tiếp và công-thức đồng-thời. Công-thức này sinh ra phong tục lấy nhiều anh em trai làm chồng cùng một lúc (polyandrie fraternelle), theo đấy một người đàn bà được khuyến-kích lấy cùng một lúc nhiều anh em trai làm chồng. Công thức kia sinh ra tập-quán Lévirat theo đấy một người đàn bà góa chồng được khuyến-kích lấy anh em chồng mình làm chồng. Nên đề ý rằng trong đa-số trường-hợp, cuộc hôn-nhân thứ hai này (union secondaire) là một cuộc hôn-nhân với em trai chồng (như là với em gái vợ trong phong-tục Sororat).

Sau đây là vài phương-trình hợp-xung :

$$Fa = Fa Br$$

$$So = Br So$$

$$Da = Br Da$$

$$\text{Cha} = \text{Anh em trai cha}$$

$$\text{Con trai} = \text{Con trai của anh em}$$

$$\text{Con gái} = \text{Con gái của anh em.}$$

2

Tiêu - chuẩn nội / ngoại

Tiếng Anh chuyên môn gọi là *bifurcation*.

Thân-thuộc của tôi, từ cấp-bậc 2 và xa hơn có thể chia làm 2 loại : thân-thuộc bên nội và thân-thuộc

bên ngoại. Thân-thuộc bên nội là thân-thuộc mà liên-hệ với tôi được thiết-lập qua cha tôi làm môi giới. Thân-thuộc bên ngoại là thân-thuộc mà liên-hệ với tôi được thiết-lập qua mẹ tôi làm môi-giới. Áp dụng 2 loại danh-xưng khác nhau cho 2 loại thân-thuộc trên là thừa-nhận tiêu-chuẩn nội-ngoại.

Sau đây ta sẽ lấy 2 trường-hợp điển-hình Anh-Pháp và Việt để tìm hiểu yếu-tố xã-hội, thân-tộc nào đã chi-phối sự biệt-xưng hay hợp-xưng nội/ngoại.

Anh-Pháp hợp xưng nội /ngoại :

Danh-biểu mà ta gọi là trực-hệ danh - biểu *lineal terminology* không thừa-nhận tiêu-chuẩn nội-ngoại. Danh-biểu ấy của Anh-Pháp dùng 2 danh-từ: 1 danh-từ chỉ người cha và 1 danh-từ chỉ cả anh em cha và anh em mẹ. Cách cân đối, 1 danh-từ chỉ người mẹ và một danh-từ chỉ cả chị em mẹ và chị em cha. Đây là danh-biểu thường thấy ở Tây-phương: Thí-dụ ở Pháp người cha được gọi là «Père» hay «Papa» và anh em của cha và anh em của mẹ được gọi là «Oncle», ở Anh người ta gọi cha là «Daddy» hay «Father» và anh em của cha và anh em của mẹ là «Uncle». Cách cân-đối người Pháp gọi mẹ họ là «Maman» hay «Mère» và chị em mẹ họ và chị em cha họ là «Tante»; người Anh gọi mẹ họ là «Mother» hay «Mammy» và chị em mẹ họ và chị em cha họ là «Aunt» hay «Auntie». Hơn nữa người

Anh và người Pháp hợp-xưng cha của cha họ và cha của mẹ họ : grand père, grand father ; hợp-xưng mẹ của cha họ với mẹ của mẹ họ : grand mother, grand mère .

Sự hợp-xưng nội-ngoại của những danh-biệt Anh-Pháp là đặc-điểm chung cho tất những danh-biệt thuộc loại Eskimo. *Loại Eskimo này chỉ thừa nhận sự quan-trọng của tiều gia-đình* mà tiếng Anh chuyên môn gọi là elementary family hay nuclear family tiếng Pháp chuyên-môn gọi là famille nucléaire hay famille élémentaire. Tiều gia-đình gồm có cha mẹ con cái là một đơn-vị kinh-tế, sinh-lý, giáo dục, sinh sản tự-túc. Những xã-hội mà tổ-chức còn yếu-ớt là những xã-hội chỉ biết có tiều gia-đình. Những xã-hội văn-minh Tây-phương vì những lý do khác cũng chỉ biết có tiều gia-đình. Trong những xã-hội văn-minh, những tổ-chức kinh tế, chính trị, luật-pháp... kiện-toàn và phức tạp đã lần hồi thay-thế vai trò quan-trọng của tổ-chức thân-tộc nói chung và nói riêng của thị-tộc. Vậy nên tổ-chức thân-tộc duy-nhất còn lại trong những xã-hội văn-minh ấy là tiều gia-đình. Tóm lại tổ-chức thân-tộc duy-nhất của những xã-hội văn-minh nhất và của những xã-hội thô-sơ nhất là tiều gia-đình. *Những xã-hội thuộc loại Eskimo này chưa biết hay hết biết những hình thức thân-tộc hùng-mạnh và rộng lớn như đoàn-thể thân-tộc đơn-hệ và ngoại-hôn exogamous unilinear kin-group.*

Tính-chất biệt-lập và tự-túc của tiểu gia-đình nhất là trong những xã-hội Âu-tây được phản-ảnh một cách rõ-rệt trong *quy-luật về chỗ ở* (rule of residence ; règle de résidence). Nếu quy-luật ấy định rằng lúc lấy vợ người con trai phải rời bỏ nhà cha mẹ mình để sang ở với vợ mình trong nhà của cha mẹ vợ mình hay trong một nhà gần nhà cha mẹ vợ mình thì ta có *chỗ ở theo mẹ* (matrilocal residence, résidence matrilocale). Nếu quy-luật ấy định rằng lúc lấy chồng người con gái phải rời bỏ nhà cha mẹ mình để sang ở với chồng mình trong nhà cha mẹ chồng mình hay trong một nhà gần nhà cha mẹ chồng mình thì ta có *chỗ ở theo cha* (Patrilocal residence, résidence patrilocale). Nếu quy-luật ấy định rằng đôi vợ chồng có quyền lựa chọn hoặc chỗ ở theo cha hoặc chỗ ở theo mẹ tùy ưa-thích, tùy địa-vị xã-hội và sự giàu có của cha mẹ đôi bên thì ta có *hai chỗ ở* (bilocal residence). Nếu quy-luật ấy định rằng đôi vợ chồng mới lấy nhau có quyền chọn chỗ ở không phụ thuộc chỗ ở theo cha mà chẳng phụ-thuộc chỗ ở theo mẹ, đôi khi rất xa cách 2 chỗ ở ấy, thì ta có *chỗ ở mới* (neolocal residence). Tiểu gia-đình Âu-tây theo quy-luật này.

Việt-nam biệt-xung nội / ngoại :

Người Việt-nam nào cũng biết sự kiện này. Chỉ xin nhắc lại những cặp danh-từ xung hô sau : Chú / Cậu ; Cô / Dì ; Ông nội / Ông ngoại ; Bà nội / Bà ngoại

. Trong lý-thuyết, xã-hội nào theo tổ-chức thân-tộc đơn-phương (gia-tộc, thị-tộc, đại gia-đình, lignage, clan, famille étendue) thì xã-hội ấy biệt-xung nội / ngoại.

Gia-tộc và thị-tộc là những đoàn-thể thân tộc đơn-phương điển-hình.

Gia-tộc hay thị-tộc là một tổ-chức thân-tộc sắp-xếp tất cả những thân-thích một bên : bên cha hay bên mẹ thành một đoàn-thể có công-dụng rõ-rệt hay không rõ-rệt. Ta gọi nguyên-tắc cấu-tạo của gia-tộc hay thị-tộc là nguyên-tắc độc-phương (principe unilatéral) trái-ngược với nguyên-tắc song-phương (principe bilatéral) chi-phối tổ-chức gia-đình. Một gia-tộc hay một thị tộc phụ-hệ gồm có một nam tổ-tiên và tất cả 2, 3, 4, 5, 6, n thế-hệ con-cái, cháu-chất bên cha của tổ-tiên ấy. Một người đàn-bà thuộc về gia-tộc của cha họ, nhưng con họ không thuộc về gia-tộc ấy. Trong một gia-tộc mẫu-hệ, tổ-tiên là một người đàn-bà và 2, 3, 4, 5, 6, n thế-hệ con-cái, cháu-chất thuộc bên mẹ làm thành gia-tộc mẫu-hệ của nữ tổ-tiên ấy. Một người đàn ông thuộc về gia-tộc mẫu-hệ của mẹ nó, nhưng con-cái nó không thuộc về gia-tộc ấy.

Một đoàn-thể thân-tộc đơn-phương khác đáng đề ý là đại gia-đình, extended family, famille étendue. Một đại gia-đình gồm có hai hoặc nhiều tiểu gia-đình

liên-kết với nhau nhờ sự nối rọng mối quan-hệ cha mẹ — con nghĩa là nhờ sự kết-hợp tiểu gia-đình của một người con trưởng-thành đã có vợ với tiểu-gia-đình của cha mẹ nó.

Đại gia-đình phụ-hệ là điển-hình của tổ-chức này. Đại gia-đình phụ-hệ gồm có một người đàn ông lớn tuổi, vợ hay những vợ của người đàn ông ấy, con trai và con gái chưa có vợ có chồng của người đàn ông ấy, những người con trai đã có vợ, vợ và con của người con trai của người đàn ông lớn tuổi nói trên. *Ba thế-hệ gồm những tiểu gia-đình của cha và con sống chung dưới một mái nhà hay trong một xóm.*

Hãy nghe *Đào-duy-Anh* bàn-luận về thân-tộc Việt-nam. Trong Việt-nam văn-hóa sử-cương ông ta viết : « Gia-tộc Việt-nam xưa nay có 2 bậc một là nhà hay tiểu gia-đình, gồm vợ chồng cha mẹ và con cái, hai là họ hay là đại gia đình, gồm cả đàn ông đàn bà cùng 1 ông tổ sinh ra Gia-tộc phụ-hệ ấy tục thường gọi là họ nội, gồm một chi trưởng và nhiều chi thứ. Lấy 1 người làm bản-vị thì ở trên mình có cha mẹ trên cha mẹ có ông bà nội gọi là tổ-phụ-mẫu, trên ông bà có cụ gọi là tăng tổ phụ-mẫu, trên cụ có kỵ gọi là cao tổ phụ-mẫu, rồi đến cao cao tổ, cho đến thủy tổ. Ở dưới thì có con, dưới con có cháu hoặc tôn, dưới cháu có chắt hoặc tăng tôn, dưới chắt là chít hoặc huyền tôn ; còn ở dưới nữa gọi chung là viễn-tôn

Tự cao-tổ đến viễn-tôn là cửu tộc. Đồng hàng với mình là anh em chị em ruột. Anh em trai của cha mình gọi là bác chú hoặc bá phụ và thúc phụ. Chị em gái của cha là cô hoặc cô mẩu. Con bác và chú đối với mình là anh em chị em thúc bá, hoặc tông huynh đệ và tông tử muội; con cô đối với mình là anh em chị em con cô con cậu, hay biểu huynh đệ và biểu tử muội. Họ ngoại thì gồm có những thân-thích theo phụ-hệ của mẹ mình; cha mẹ của mẹ là ông ngoại bà ngoại, anh em trai của mẹ là cậu (cửu), chị em gái của mẹ là dì (di), anh em chị em con cô con cậu cùng anh em chị em con dì đều gọi là biểu huynh đệ và biểu tử muội. Theo luân-thường trong gia-tộc nước ta thì người cùng 1 họ nội không được lấy nhau phạm điều cấm ấy là tội loạn-luân, phong-tục chế cười mà pháp-luật cũng trừng-phạt». Đoạn văn trên cho thấy sự *biệt-xung nội / ngoại*, quy-luật *ngoại-hôn* và tổ-chức *gia-tộc* trong hệ-thống Việt-nam.

3.

Tiêu-chuẩn thế-hệ

Bà con thân-thuộc được xếp thành nhiều thế-hệ: Thế-hệ tôi gồm anh em chị em ruột và anh em chị em họ tôi và tôi; thế-hệ thứ nhất trên tôi gồm cha-mẹ tôi, anh chị em ruột và anh chị em họ cha-mẹ tôi; thế-hệ thứ nhất dưới tôi gồm con-cái tôi,

cháu-chất tôi ; thế-hệ thứ nhì dưới tôi gồm cháu tôi..... Đây là một tiêu chuẩn thường được thừa-nhận .

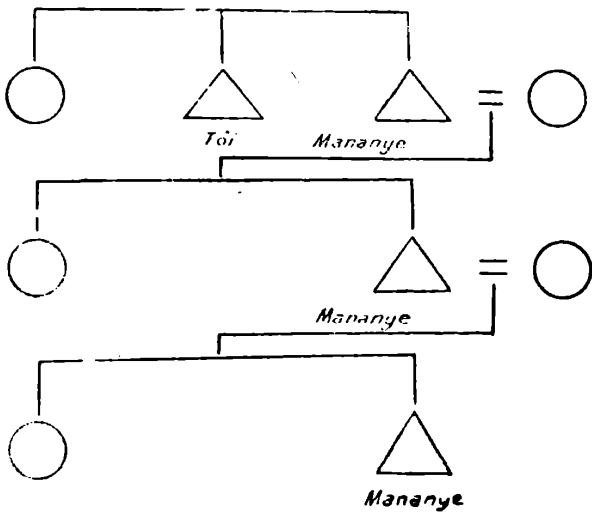
Tuy-nhiên danh-biểu OMAHA hợp-xung thế-hệ, hợp-xung nhiều thế-hệ khác nhau, và như thế phô-trưng vài nét độc-đáo nhưng hợp-lý giúp ta hiểu thế nào là một cơ-cấu thân-tộc.

Trong loại danh-biểu này, một danh-từ nguyên dùng để chỉ thân-thích hay thông-gia ở một thế-hệ nào đấy được áp-dụng cho những thân-thích hay thông-gia của một hay nhiều thế-hệ khác nhưng cùng gia-tộc và đồng giống-tính. Nói khác đi, loại danh-biểu này hợp-xung những thân-thuộc hay thông-gia cùng gia tộc, cùng giống-tính nhưng khác thế-hệ .

Có nhiều hình-thức hợp-xung khác nhau :

Người Bari (Phi châu) dùng một danh-từ mananye để chỉ anh em trai của mình, con của nó và cháu của nó (hình 2).

Nhiều dân-tộc khác (như dân-tộc Nandi ở Phi-châu) lại hợp-xung người mẹ, chị em mẹ, con gái của anh em của mẹ, con gái của con trai của anh em của mẹ (hay : mẹ = chị em mẹ = con gái của cậu = con gái của con trai của cậu).



Anh (em) tôi = con anh (em) tôi = con của con anh em tôi

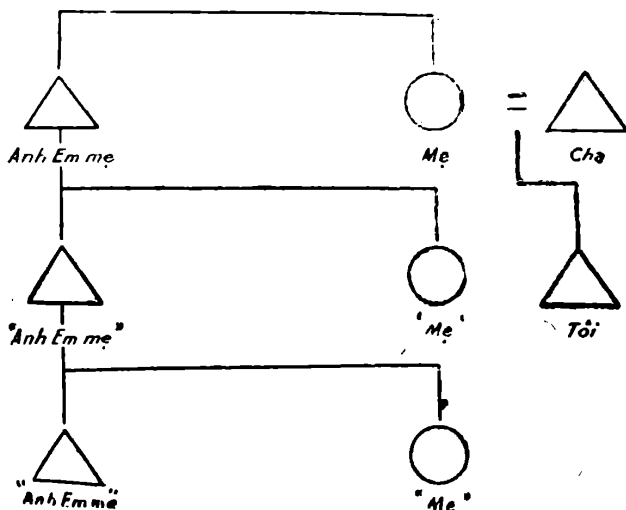
Hình 2

Và như thế họ cũng hợp-xung luôn anh em trai của mẹ, con trai của anh em trai mẹ, cháu trai của anh em trai mẹ.

Cơ-chế và hậu-quả của sự hợp-xung này rất hữu-lý. Nó đề-cao sự duy-nhất của gia-tộc, sự liên-đời của những thành-phần cùng một gia-tộc. Hoặc là gia-tộc phụ-hệ của tôi, hoặc là gia-tộc phụ-hệ của mẹ tôi.

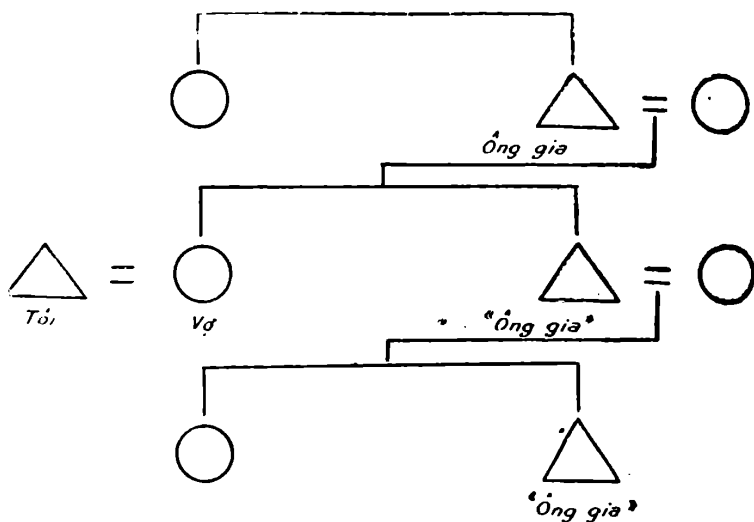
Mẹ tôi ở một thế-hệ trên tôi là người trung-gian giữa tôi và phụ-hệ gia-tộc của mẹ tôi. Vậy lúc hợp xung những thân-thích của phụ-hệ gia-tộc ấy, tôi sẽ dùng những danh-từ chỉ thân-thuộc của thế-hệ mẹ tôi (mẹ, anh em mẹ) để áp-dụng cho những thân-thích ở những thế-hệ khác nhưng cùng một gia-tộc ấy.

Nói một cách khác, tất cả những thế-hệ của gia-tộc phụ-hệ của mẹ tôi được sắp xếp thành một loại và như thế được xem như thuộc vào một thế-hệ duy-nhất. Tất cả những đàn-bà của gia-tộc ấy là «mẹ», tất cả những đàn-ông của gia-tộc ấy là «anh em mẹ». (hình 3)



Hình 3

Hơn nữa, đối với tất cả mọi gia-tộc mà một cá nhân có quan-hệ, nguyên-tắc đối-xử vẫn là nguyên-tắc trên. Chẳng hạn đối với hết thầy gia tộc của vợ tôi gồm có cha vợ, anh em trai vợ, con anh em trai vợ tôi được xem như một «người rề». Một thân-thích vợ tôi và dưới tôi một thế-hệ (con anh em vợ tôi) tự xem nó như là hiện-thân hay đại-diện của gia-tộc nó, lúc nó gọi tôi là «người rề» và đòi-hỏi tôi làm tròn bổn-phận của một người rề. (hình 4)



Ông gia = con trai ông gia = con trai của con trai ông gia.

Hình 4

Thế-hệ và Bàng-hệ

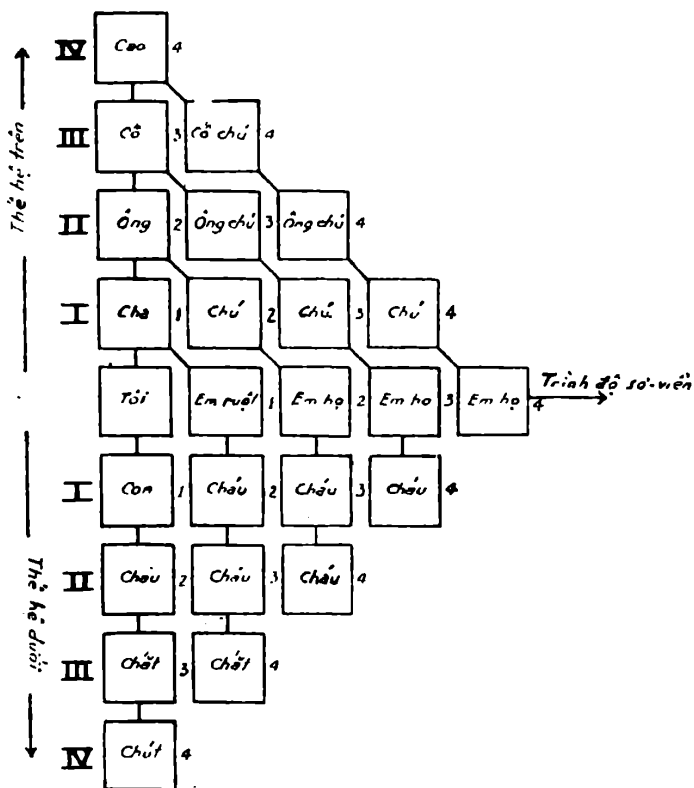
Hệ-thống tang-chế và hệ-thống thân-tộc Trung-Hoa.

Kiến-trúc của hệ-thống Trung-hoa dựa trên hai nguyên-tắc : phân-biệt trực-hệ / bàng-hệ và phân-biệt thế-hệ. Trực-hệ / bàng-hệ được phân-chia theo chiều dọc và thế-hệ theo chiều ngang. Hai nguyên-tắc trên phối-hợp lại làm cho mỗi thân-thích có một vị-tri nhất-định trong toàn-thể cơ-cấu thân-tộc.

Ý-kiến và tư-tưởng này là của nhà nhân-chủng học Trung-hoa Han-Yi-Fêng : «The architectonic structure of the Chinese system is based upon two principles : lineal and collateral differentiation, and generation stratification. The formèr is a vertical, and the latter a horizontal, segmentation. Through the interlocking of these two principles, every relative is rigidly fixed in the structure of the whole system».

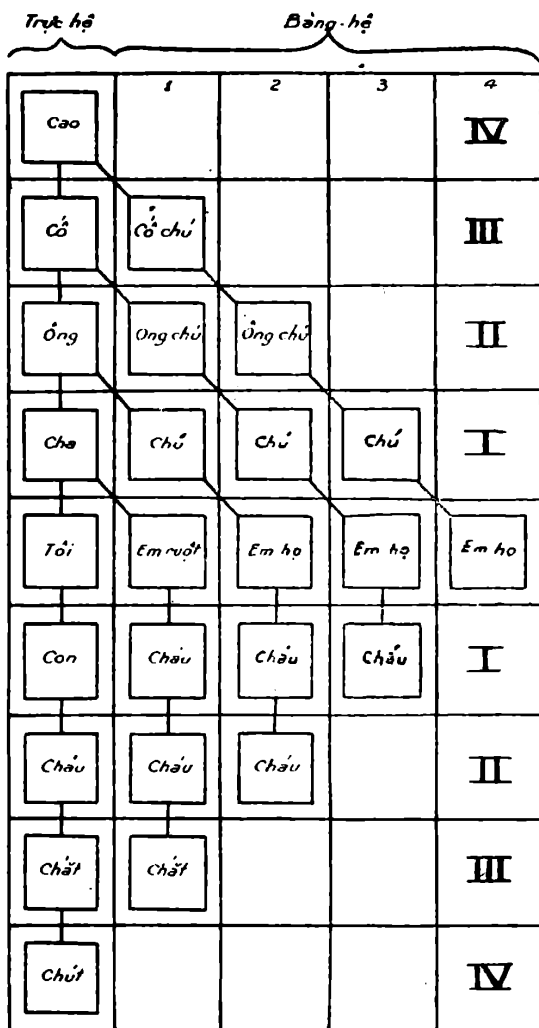
Nhà xã-hội-học và Trung-hoa-học Pháp, Granet cũng nghĩ như vậy : «Tout proche est désigné par (un mot ou) une expression signalant la place qu'il occupe dans le tableau, c'est à dire le plus souvent par un binôme évoquant les deux coordonnées qui déterminent cette place, à savoir : la génération (étage, horizontale) et la lignée (colonne, verticale) ».

(hình 5 và 6).



Hình 5
Tang-chế-biểu Trung-hoa

- (1) 1 năm
(2) 9 tháng
(3) 6 tháng
(4) 3 tháng



Hình 6
Thân-tộc-biểu Trung-hoa

Trong thân-tộc-biểu này được hình-dung những thân-thuộc trực-hệ những thân-thuộc bàng-hệ và chín (9) thế-hệ thân-thích khác nhau.

5

*Trực-hệ / bàng-hệ, nội / ngoại, thế-hệ**Phân-loại tạm-thời.*

Hai nhà nhân-chủng-học Lowie và Kirchoff đã đề-nghị dùng ba tiêu-chuẩn: trực-hệ / bàng-hệ, nội / ngoại, thế-hệ để tạm-thời phân-loại những danh-biểu trên thế-giới. Phối-hợp với nhau 3 tiêu-chuẩn trên, ta sẽ có 4 danh-biểu khác nhau :

1. *Nội / ngoại bàng-hệ danh-biểu* (Bifurcate collateral terminology) : Danh-biểu này thừa-nhận tiêu-chuẩn nội / ngoại và tiêu-chuẩn bàng-hệ. Nói khác đi, danh-biểu này biệt-xưng nội / ngoại và biệt-xưng trực-hệ / bàng-hệ.

Thật vậy danh-biểu Việt-nam thuộc loại này áp-dụng 3 danh-từ khác nhau cho người cha, anh em cha và anh em mẹ. Ba danh-từ khác nhau cũng được dùng để chỉ người mẹ, chị em mẹ và chị em cha.

Nên ta có :

Cha, chú, cậu

Mẹ , dì , cô.

2. *Nội / ngoại hợp-thống danh-biểu* (Bifurcate merging terminology): Danh-biểu này thừa-nhận tiêu-chuẩn nội / ngoại nhưng phủ-nhận tiêu-chuẩn bàng-hệ. Nói khác đi, danh-biểu này biệt-xưng nội / ngoại nhưng hợp-xưng trực-hệ / bàng-hệ.

Thật vậy danh-biểu này dùng một danh-từ để chỉ người cha và anh em cha và một danh-từ khác để chỉ anh em mẹ. Chẳng khác một danh-từ chỉ người mẹ và chị em mẹ và một danh-từ chỉ chị em cha.

Nên ta có :

Cha = anh em cha, cậu

Mẹ = chị em mẹ, cô.

Danh-biểu này thịnh-hành trong những xã-hội đề-cao sự duy-nhất của gia-tộc hay thị-tộc. Hơn nữa nếu anh em cha được đồng-hóa với cha, chị em mẹ được đồng-hóa với mẹ thì con gái của anh em cha và con gái của chị em mẹ được tôi xem như chị em ruột của tôi. Vậy luật hôn-nhân tuyệt-đối cấm-đoán tôi lấy hai loại chị em họ song-song ấy làm vợ. Trái lại luật hôn-nhân khuyến-khích tôi lấy con gái cô tôi hay con gái cậu tôi, hai loại chị em họ tréo của tôi, làm vợ (union préférentielle des cousins croisés).

3. *Trục-hệ danh-biểu* (Lineal terminology):
 Danh-biểu này thừa-nhận tiêu-chuẩn bàng-hệ nhưng phủ-nhận tiêu-chuẩn nội / ngoại. Nói khác đi, danh-biểu này biệt-xưng trục-hệ / bàng-hệ nhưng hợp-xưng nội / ngoại.

Thật vậy danh-biểu Anh, Pháp thuộc loại này áp-dụng một danh-từ cho anh em cha và anh em mẹ và một danh-từ khác cho người cha. Như thế một danh-từ được dùng để chỉ người mẹ và một danh-từ khác được dùng để chỉ chị em mẹ và chị em cha.

Nên ta có :

père, frère du père = frère de la mère (oncle)
 mère, sœur de la mère = sœur du père (tante)
 father, father's brother = mother's brother (uncle)
 mother, mother's sister = father's sister (aunt)
 cha, anh em cha = anh em mẹ
 mẹ, chị em mẹ = chị em cha.

Danh-biểu này thịnh-hành trong những xã-hội đề-cao tiểu-gia-đình vì chưa biết hay hết biết những đơn-vị thân-tộc rộng-lớn và hùng-mạnh hơn như những tổ chức thân-tộc đơn-hệ và ngoại-hôn trong ấy có thị-tộc, gia-tộc và đại-gia-đình.

4. *Thế-hệ danh-biểu* (Generation terminology):
 Danh-biểu này phủ-nhận tiêu-chuẩn bàng-hệ lẫn tiêu-

chuẩn nội / ngoại, chỉ thừa-nhận tiêu-chuẩn thế-hệ. Nói khác đi, danh-biểu này hợp-xung trực-hệ / bàng-hệ, hợp-xung nội / ngoại và biệt-xung thế-hệ.

Thật vậy danh-biểu gọi là danh-biểu HAWAI này dùng một danh-từ và một danh-từ thôi để chỉ người cha, anh em cha và anh em mẹ; dùng một danh-từ và một danh từ thôi để chỉ người mẹ, chị em mẹ và chị em cha. Danh-biểu này chỉ phân biệt những thế-hệ khác nhau : con, cha, ông... hay con, mẹ, bà...

Nên ta có :

cha = anh em cha = anh em mẹ

mẹ = chị em mẹ = chị em cha.

BẢNG PHÂN-LOẠI.

Tiêu-chuẩn → Danh-biểu ↓	Nội/ ngoại	Trực-hệ / Bàng-hệ
Nội / ngoại bàng-hệ danh-biểu	+	+
Nội / ngoại hợp-thống danh-biểu	+	—
Trực-hệ danh-biểu	—	+
Thế-hệ danh-biểu	—	—

Dấu (+) đọc là : thừa-nhận hay biệt-xưng

Dấu (—) đọc là : phủ-nhận hay hợp-xưng

6

Tiêu-chuẩn giống-tính hay Nam / Nữ

Tiêu-chuẩn này thường được thừa nhận. Tuy-nhiên danh-biểu Anh hợp-xung dưới một danh-từ «cousin» anh em họ và chị em họ. Đặc-biệt nhất là trường-hợp của người Kitara, Bantou, Ndao, Yao, Huana : họ gọi anh em mẹ là mẹ đẻ (umalume), chị em cha là cha cái. Đây là một sự áp-dụng của nguyên-tắc tương-đương.

7

Tiêu-chuẩn nhân-tộc

Đây là một tiêu-chuẩn thường được công-nhận. Nhưng nếu so sánh những hệ-thống Anh, Pháp và Việt, ta sẽ thấy vài dị-điểm. Thật vậy nếu Anh, Pháp chỉ dùng một danh-từ aunt, tante cho chị em cha, chị em mẹ (thân-tộc) và vợ anh em cha, vợ anh em mẹ (nhân-tộc) thì Việt-Nam có 4 danh-từ cho 4 loại thân-thích ấy : dì, cô (thân-tộc) thím, mợ (nhân-tộc).

Một cách gần cân-xưng, ta có :

FaBr = MoBr = FaSiHu = MoSiHu (Pháp và Anh hợp-xưng thân-tộc / nhân-tộc); anh em cha, anh em mẹ, chồng chị em cha và chồng chị em mẹ (Việt-nam biệt-xưng thân-tộc / nhân-tộc). Ở đây, ta nên đề ý rằng danh-từ trực-xưng hợp-xưng người chồng của chị em của cha và của chị em của mẹ với người em của cha (chú), cho rằng như thế thân-mật gần-gũi hơn. Ít nhất đây là phong tục miền Trung.

Đôi khi danh-biểu Anh và Pháp lại thừa-nhận một cách tương-đối tiêu-chuẩn nhân-tộc. *Thay vì dùng danh-từ đơn để chỉ-định một loại nhân-tộc nào đấy, họ lại dùng danh-từ kép để chỉ-định loại nhân-tộc ấy.*

Stepson, stepfather hay father-in-law

step-brother hay brother-in-law

step-mother hay mother-in-law

beau-fils

beau-père

belle-mère.

Nhưng, sự hợp-xưng nhân-tộc / thân-tộc có ý-nghĩa xã-hội nhất là trường-hợp phát-sinh từ phong-tục hôn-nhân khuyến-khích giữa anh em chị em họ *tréo*. Vì sự hợp-xưng này phản-chiếu, phản-ảnh gần như trung-thành phong-tục ấy. Nói khác đi, ở đây

danh-từ thân-tộc cho thấy rõ cơ-cấu và công-dụng của hệ-thống thân-tộc và hôn-nhân. Hôn-nhân khuyến khích giữa anh em chị em họ tréo, phong-tục hay công-thức điền-hình của những cơ-cấu thân-tộc mà giáo-sư Lévi-Strauss gọi là «structures élémentaires de la parenté» tạo ra những danh-từ hợp-xung thân-tộc / nhân tộc sau đây :

Chị em họ tréo bên cha
(con gái cô)

Fa Si Da = Wi

Fa Si = Wi Mo

Con gái cô = Vợ

Chị em cha = Mẹ vợ.

Chị em họ tréo bên mẹ
(con gái cậu)

Mo Br Da = Wi

Mo Br = Wi Fa

Con gái cậu = Vợ

Anh em mẹ = Cha vợ.

Tiêu - chuẩn hõ - tương
(*polarity, réciprocité*).

Trong một mối quan-hệ xã-hội ít nhất phải có 2 người. Thừa-nhận sự-kiện ấy về mặt ngôn-ngữ là biệt-xung theo tiêu-chuẩn hõ-tương, nghĩa là có 2 danh-từ xung-hô khác nhau cho 2 người bà-con lúc 2 người này đối-thoại với nhau. Hợp-xung thì 2 người bà-con này chỉ dùng một danh-từ xung-hô lúc đối-thoại với nhau. Nếu hệ-thống Anh-cát-lợi thừa-nhận gần như hoàn-toàn tiêu-chuẩn này, thì ít nhất danh-từ «cousin» là danh-từ hợp-xung hõ-tương của hệ-thống ấy.

Nhưng phong-tục đáng chú-y nhất đã chi-phối sự hợp-xung hõ-tương là phong-tục cho rằng ông và cháu nghĩa là những thân-thuộc cách nhau 2 thế-hệ cùng thuộc một loại, một thế-hệ. Thế nên trong nhiều xã-hội ông và cháu chỉ dùng một danh-từ để xung-hô với nhau. Điều phổ-quát trong nhân-loại là con-cái phải kính nể cha, mẹ, nhưng đối với ông bà thì cháu-chắt có những cử-chỉ thân-mật, gần-gũi hơn cho đến nỗi nhiều xã-hội Mỹ, Úc, Phi cho phép cháu-chắt chọc-gheo, đùa-cợt với ông bà. Đây là phong-tục gọi là familiarité privilégiée hay parenté à plaisanterie, joking relationship. Nhiều xã-hội

quan-niệm đời người như một chu-kỳ : lúc người cháu đã đến tuổi trưởng-thành để có một địa-vị xã-hội thì lúc ấy người ông cũng đến tuổi từ-bỏ địa-vị xã-hội của mình. Vậy ta có thể nói rằng cháu thay thế cho ông chứ không phải con thay thế cho cha. Hiện-tượng này được cụ-thể-hóa trong tục gọi con mình bằng tên của cha mình. Người Henga chúc-mừng một người đàn ông vừa có con bằng công-thức : « Un père vous est né aujourd'hui » « Hôm nay anh vừa có một người cha » Vì người Henga quan-niệm cháu thay thế cho ông, cháu là hiện-thân của ông, cháu và ông là một đơn-vị thân-tộc. Do đấy mới có sự hợp-xung hỗ-tương ông / cháu. Ngày nay ở Anh ta thấy cháu nội của cố Thủ-tướng Winston Churchill tên là Winston II, ở Pháp cháu nội của Charles de Gaulle tên là Charles.

9

Tiêu-chuẩn tuổi-tác hay trưởng/thứ

Trong số bà-con cùng thế-hệ, có người lớn tuổi có người nhỏ tuổi Thừa-nhận hiện-tượng này về mặt ngôn-ngữ là biệt-xung tuổi-tác. Việt-nam biệt-xung :

em cha (chu), anh cha (bác).
 vợ chú (thím); vợ bác (bác gái):

anh, em.

chị, em.

Anh, Pháp hợp-xung :

oncle

tante

frères

sœurs

uncle

aunt

brothers

sisters.

10

Tiêu-chuẩn giống-tính người xưng-hô

Người sử-dụng một danh-từ xưng-hô cũng như người được gọi bằng một danh-từ ấy có thể là một nam hay một nữ. Hệ-thống nào biệt-xung thì hệ-thống ấy sẽ có 2 danh-từ cho 1 người bà-con, một danh-từ do nữ thân-thích dùng một danh-từ khác do nam thân-thích dùng. Ví-dụ một người con trai Haida và một người con gái Haida dùng 2 danh-từ khác nhau để xưng-hô cha mình. Vậy đối với dân này danh-từ «cha» của Việt-nam và «père» hay «father» của Anh, Pháp là hợp-xung.

Tiêu-chuẩn sự chết

Như tiêu-chuẩn nội / ngoại, tiêu-chuẩn này có liên-quan nhất với cấp-bậc thân-tộc 2 và phụ-thuộc người làm môi-giới cho mối quan-hệ ấy. Vài xã-hội nhất là ở Californie có 2 danh-từ cho một người bà con, danh-từ này dùng trong lúc sinh-thời của người làm môi giới cho quan-hệ thân-tộc ấy, danh-từ kia dùng lúc người làm môi-giới cho quan-hệ ấy đã qua đời. Nhất là với phong tục lấy em trai chồng mình làm chồng lúc chồng mình đã mất, người đàn bà có 2 địa-vị khác nhau đối với người em trai của chồng mình, lúc chồng mình còn sống và lúc chồng mình đã chết.

PHẦN II

Tử-hệ

Định-nghĩa

Những mối quan-hệ giữa bà-con được duy-trì và bành-trướng từ thế-hệ này sang thế-hệ khác bằng nguyên-tắc và phương-pháp nào ?

Tử-hệ là quy-luật xác-định một người mới sinh ra được gia-nhập vào một đoàn-thể thân-tộc nào có trước nó, và một người chết đi phải để lại cho những con-cháu nào của mình của-cải tiền-tài, địa-vị trong xã-hội. Như thế, tử-hệ duy-trì những mối quan-hệ thân-tộc có sẵn và khai-thác, khuếch-trương những dây liên-lạc thân-tộc mới theo những quy-tắc nhất-định cho mỗi một xã-hội.

Ta thường nghe nói đến «Phụ-hệ» và «Mẫu-hệ». Những khái-niệm thường-xuyên về vấn-đề này có phần sai-lầm. Nên trước hết ta phải minh-định.

II

Phụ-hệ và Mẫu-hệ

Trường-hợp điển-hình của một chế-độ phụ-hệ là trường hợp La-mã thời cổ. Trong chế-độ này người chồng có nhiều quyền thế đối với vợ và người cha có quyền sinh-tử đối với con-cái. Người đàn-bà về nhà chồng phải bỏ thờ-phụng tổ-tiên của mình để thờ-phụng tổ-tiên của chồng mình. Căn-bản của một chế-độ phụ-hệ là những gia-tộc hay thị-tộc phụ-hệ.

Hãy định-nghĩa sơ-lược gia-tộc và gia-tộc phụ-hệ : Gia-tộc là một tổ-chức sắp-xếp tất cả những bà-con một bên : bên cha, bên mẹ thành một đoàn-thể có công-dụng rõ-rệt hay không rõ-rệt. Ta tạm gọi nguyên-tắc cấu-tạo gia-tộc là nguyên-tắc độc-phương (principe unilatéral) trái với nguyên-tắc song-phương (principe bilatéral) chi-phối tổ-chức gia đình. Một gia-tộc phụ-hệ gồm có một tổ-tiên giống nam và cả 2, 3, 4, 5, 6, n thế-hệ con-cái cháu-chắt bên cha của tổ-tiên ấy. Một người đàn-bà thuộc về gia-tộc của cha họ, nhưng con họ không thuộc về gia-tộc ấy.

Vì sống trong một chế-độ phụ-hệ nên chế-độ

này không có gì phức-tạp, khó hiểu đối với trí óc ta. Trái lại đối với vấn-đề mẫu-hệ ta còn nuôi nhiều thành-kiến sai-lầm.

Mẫu-hệ và chế-độ mẫu-hệ

Trong một gia-tộc mẫu-hệ, tổ-tiên là một người đàn-bà và 2, 3, 4, 5, 6, n thế-hệ con-cái, cháu-chất thuộc bên mẹ, làm thành gia-tộc mẫu-hệ của nữ tổ-tiên trên. Một người đàn-ông thuộc về gia-tộc mẫu-hệ của mẹ nó, nhưng con-cái nó không thuộc về gia-tộc ấy. Song, những thành kiến sai-lầm và tai-hại nảy sinh lúc những nhà khoa-học đầu-tiên ngoại suy từ tử-hệ đến uy-lực và quyền-thế. Nghĩa là : theo những người ấy chế-độ mẫu-hệ là chế độ trong ấy đàn-bà nếu không có hết thấy quyền-hành thì cũng là người-chủ trong gia-đình và trong xã-hội. Mẫu-hệ như thế đồng-nghĩa với mẫu-quyền hay nữ-quyền. Đây là thành-kiến sai lầm thứ nhất. Một trong những nhà nhân-chủng-học đầu-tiên đã đánh-đổ thành-kiến ấy là Ông LOWIE một người Mỹ. Theo phương-pháp quy- nạp mà ông ta thường dùng, LOWIE đã lượm-lặt đây đó khắp thế-giới những trường-hợp cụ-thể để phủ-nhận giá-trị của sự suy-luận thuần-túy và tiên-nghiệm nói trên. Trong một chế-độ mẫu-hệ người đàn-bà làm chủ trong gia-đình và trong xã-hội chẳng ? Xã-hội người Úc vừa có những bộ-lạc phụ-hệ vừa có những bộ-lạc mẫu-hệ ; nhưng trình-độ của người đàn-bà trong những bộ-lạc mẫu-hệ không phải vì thế mà cao

hơn trình-độ của người đàn-bà trong những bộ-lạc phụ-hệ. Ở xứ Colombie thuộc Anh người TLINGIT có chế-độ mẫu-hệ. Nhưng trong gia-đình, không phải người mẹ có quyền-thế trên con-cái nhưng chính là người anh hay em trai của mẹ. Nhiều của-cải quý-báu nhất được lưu-truyền từ anh em của mẹ sang cháu trai của họ. Ở Phi-châu có đàn-bà làm chủ nhưng hiện-tượng ấy không có liên-quan gì đến chế-độ mẫu-hệ cả. Và nó không nâng cao trình-độ người đàn-bà Phi-châu hết như triều đại Catherine không làm cho người đàn-bà Nga sung-sướng thêm vậy.

Song hãy lấy vài trường-hợp thuận-lợi nhất cho nguy-thuyết trên :

Người đàn-bà KHASI có những quyền-lợi rõ-rệt và quan-trọng. Nhà-cửa, bất-động-sản, vàng-ngọc không những được lưu-truyền theo mẫu-hệ / mà còn được lưu-truyền theo mẫu-hệ và từ mẹ đến con gái. Chức đại-sur do đàn-bà giữ và được lưu-truyền cho một người đàn-bà khác thân-thuộc của người đàn-bà ấy. Thế thì địa-vị của người đàn-ông trong xã-hội KHASI như thế nào ? Trong gia-đình nếu nhà-cửa thuộc quyền sở-hữu của đàn-bà, thì chính anh / em trai của người đàn-bà ấy cai-quản việc nhà. Và sau những lúc đầu tiên sống trong nhà vợ (résidence matrilocale), người chồng sẽ tạo cho mình và cho gia-đình mình một ngôi nhà riêng. Và lúc ấy người chồng sẽ là chủ tuyệt-đối của gia-đình và nhà cửa mình. Hơn nữa người chồng có quyền

giết chết vợ ngoại-tình bị bắt quả-tang. Chính-quyền thì được lưu-truyền theo mẫu-hệ nhưng từ người đàn-ông này sang người đàn-ông khác. Trong trường hợp không có đàn-ông, đàn-bà có thể thế vào; nhưng người đàn-bà ấy sẽ trao lại chính-quyền cho con trai của mình.

Đàn-bà IROQUOIS đứng ra xếp-đặt hôn-nhân và là người chủ đất và nhà. Họ đứng đầu các tổ chức nghi-lễ và 3 trên 6 công-chức phụ-trách nghi-lễ của thị-tộc là đàn-bà. Nhưng ta nên đề ý rằng đàn-bà không có chân trong hội-đồng tối-cao IROQUOIS.

Đàn-bà PUEBLO là chủ-nhân nhà-cửa nhưng họ không tham-dự chính-phủ, có một vai trò không đáng kể trong nghi-lễ, và trong gia-đình người chủ là người chồng.

Vậy những trường-hợp cụ-thể vừa nêu trên cho thấy sự sai-lầm của suy-luận nhân-quả cho rằng mẫu-hệ sinh ra chỗ ở theo mẹ, chỗ ở theo mẹ sinh ra trình-độ cao-sang của người đàn-bà. Nếu giữa ba hiện-tượng ấy có một sự liên-quan nhân-quả nào thì thứ-tự liên-quan có thể như sau : Chỗ ở theo mẹ sinh ra trình-độ cao-sang của người đàn-bà, do đấy có mẫu-hệ. Thế nên chỗ ở là một yếu-tố quan-trọng. Vậy ta hãy xem rõ hơn «chỗ ở theo mẹ» ảnh hưởng đến địa-vị của người đàn-bà trong gia-đình và trong xã-hội như thế nào ?

Hậu-quả trực-tiếp và rõ-ràng nhất của chỗ ở theo mẹ là ưu thế của gia-đình người mẹ chứ không phải là ưu-thế của người mẹ. Những tính-chất của một gia-đình áp-dụng «chỗ ở theo cha» lẽ dĩ-nhiên khác với những tính-chất của một gia-đình áp-dụng «chỗ ở theo mẹ». Song những tính-chất khác nhau ấy không ảnh-hưởng đến địa-vị của chính người đàn-bà. Vì trong trường-hợp «chỗ ở theo cha», người đàn-bà lệ-thuộc chồng hay cha chồng và trong trường-hợp «chỗ ở theo mẹ» họ lệ-thuộc mẹ họ hay đúng hơn anh em hay cha của họ. Trong hai trường-hợp người chủ tối-cao là người đàn-ông: cha, chồng hay cha của chồng. Nhưng ta nên nói rằng trong «chỗ ở theo mẹ» người đàn-bà sẽ được gia-đình họ che-chở nếu chồng họ ức hiếp. Trong xã-hội người KAI áp-dụng «chỗ ở theo mẹ» người đàn-bà vẫn bị khổ-sở. Vì nếu người chồng không có quyền uy-hiếp họ thì trái lại họ bị đàn-ông của thân-tộc họ (anh/em họ hay anh/em mẹ họ) đè nén. Ta nên thêm rằng «chỗ ở theo mẹ» nhiều khi giới-hạn hiện-tượng đa-thê và như thế tránh được sự ghen-tương của người đàn-bà. Nhưng trong mọi trường-hợp, người đàn-bà là kẻ lệ thuộc. Huống-hở «chỗ ở theo mẹ» chỉ là một giai đoạn tạm-thời đợi lúc người chồng có phương-tiện xây-cất nhà cửa của mình. Lúc ấy người đàn-bà sẽ hoàn-toàn lệ-thuộc chồng họ.

Song trong trường-hợp người PUEBLO chẳng hạn không phải gia-đình của vợ có quyền sở-hữu đối với nhà-cửa mà quyền ấy ở chính trong tay người vợ. Trong trường-hợp này người vợ có quyền đuổi chồng mình ra khỏi nhà mình và như vậy có ưu-thế trong sự giao-dịch vợ/chồng. Nhưng vấn-đề và câu hỏi chính ở đây là: có phải vì bị đuổi ra khỏi nhà vợ mình mà người đàn-ông bị thiệt-thòi trong quyền-lợi và kém sút trong địa-vị không? Khi bị đuổi ra khỏi nhà vợ, luật-pháp thừa-nhận cho người chồng quyền đến ở nhà của mẹ hay chị em gái mình. Và trong nhà của mẹ hay chị em gái mình người đàn-ông giữ một địa-vị rất quan-trọng, được ưu-đãi, chiều-chuộng như những hàng sau cho thấy rõ: Người chồng PUEBLO sống trong nhà vợ họ nhưng không có quyền cư trú nhứt định Nghĩa là hoặc vì ly-dị hoặc vì xích-mịch, xô-xát, người vợ có quyền tống chồng mình ra khỏi nhà. Lúc ấy người đàn-ông sẽ trở về nhà mẹ hay chị em gái mình. Thành-thử đang lúc có vợ người đàn-ông PUEBLO luôn-luôn xem như nhà của chính mình nhà mẹ hay chị em gái mình chứ không phải nhà vợ mình. Và đặc-biệt nhất là trong nhà chị, em gái mình người đàn-ông có toàn-quyền đối với con-cái của chị em gái mình: quyền là mắng, quở-phạt, dạy-dỗ, trông-nom. Dụng-cụ và của quý người đàn-ông giữ ở nhà của chị em gái hay mẹ mình và trong nhà của mẹ hay chị em gái mình người đàn-ông có một địa-vị rất cao như nhà nhân-chủng-học FREIRE-

MARRECO cho ta hay : « Ils prennent tout naturellement place aux repas, amènent des invités, se comportant comme les seigneurs et maîtres de la maison, et cela quoiqu'ils ne contribuent nullement (s'ils sont mariés) à l'entretien matériel du ménage, car ils ont à fournir en maïs, viande et bois les maisons de leurs propres femmes ». « Chúng nó đương-nhiên đến ăn, kéo theo khách-khứa, hành-động như chúa và chủ nhà, và như thế mặc-dầu chúng nó (nếu có vợ rồi) không đóng-góp chút nào vào sự sinh-sống của gia-đình, vì còn phải cung cấp cho nhà vợ chúng những bắp, thịt, gỗ ».

Vậy, với LOWIE, và theo một phương-pháp quy-nạp, ta đã minh-chứng bằng những thí-dụ cụ-thể rằng : chế-độ mẫu-hệ không phải là một chế-độ trong ấy người đàn-bà có ưu-thế và uy-quyền. Nhưng ta có thể đi xa hơn nữa với LÉVI-STRAUSS. Đối với tác-giả này, một trong những nguyên-tắc quan-trọng của hệ-thống trao-đổi (hệ-thống thân-tộc hôn-nhân là một hệ-thống trao-đổi) là nguyên-tắc định rằng những mối quan-hệ giữa đàn-ông và đàn-bà là những mối quan-hệ không cân-đối (relations d'asymétrie-entre les sexes). Và vì thế vấn-đề uy-quyền, ưu-thế của đàn-bà trong xã-hội và trong gia-đình không thành vấn-đề hay đúng hơn là một vấn-đề đặt sai. Trong sự trao-đổi, bản-chất của hôn-nhân, người chủ-muru là người đàn-ông, đàn-bà là những vật được trao-đổi cho nên luôn-luôn thụ-

động. «Ce sont les hommes qui échangent les femmes, non le contraire». Sự trao-đổi này là sự trao-đổi giữa hai đoàn-thể hay nhiều đoàn-thể đàn-ông, lấy đàn-bà làm vật trao-đổi. Thành-thủ tính-chất hổ-tương trong sự trao-đổi này không phải là một thứ hổ-tương giữa đàn-ông và đàn-bà mà là một sự hổ-tương giữa hai hay nhiều đoàn-thể trao-đổi đàn-bà. Hiện-tượng trao đổi hổ-tương ấy là một hiện-tượng xã-hội. Nghĩa là mỗi khi mà ta xem hiện-tượng ấy như hổ-tương, thì ta phải đồng-thời cho rằng hiện-tượng ấy là một hiện-tượng xã-hội. Chính sự-kiện này làm cho ta hiểu rõ vì sao trong sự giao-cấu giữa đàn-ông và đàn-bà, sự giao-cấu thuộc về phạm-vi cá-nhân, vì sao trong sự giao-cấu người đàn-bà lại được đàn-ông không những biệt-đãi mà lại còn trao-tặng quà-vật, như phong-tục BUWA của người Mélanésie, phong-tục điển-hình về phương-diện ấy cho ta thấy. Tại sao không có sự hổ-tương trong sự giao-cấu, tại sao đàn-ông phải biếu-tặng đàn-bà mà đàn-bà lại chẳng cần biếu-tặng đàn-ông, trong lúc ấy, đứng về phương-diện tâm-lý và sinh-lý cả hai bên đều đồng hưởng lạc-thú. Sở dĩ như thế, là vì sự hổ-tương trên là một sự hổ-tương xã-hội, và sự thiếu hổ-tương trong sự giao-cấu là một sự thiếu hổ-tương về mặt tâm-lý và sinh-lý. Nói cách khác, nếu trong sự trao-đổi giữa hai hay nhiều đoàn thể đàn-ông, một hiện tượng xã-hội nếu trong sự trao-đổi ấy, đàn-bà là kẻ bị thiệt-thòi vì là một vật được trao-đổi, thì trái lại

trong sự giao-cấu, một hiện-tượng tâm-sinh-lý thuộc phạm-vi tư-riêng, đàn-bà được biệt-đãi, đề bù-đắp, đền-bù vào sự thiệt thòi về mặt xã-hội nói trên. Hãy nhường lời một lúc cho Giáo-sư CLAUDE LÉVI-STRAUSS: « Dans sa pénétrante analyse du buwa c. a. d de la coutume trobriandaise selon laquelle un homme doit à sa maîtresse des petits cadeaux, Malinowski remarque que cette coutume « implique que les relations sexuelles constituent..... un service rendu à l'homme par la femme ». Il se demande alors quelle est la raison d'un usage qui ne lui semble « ni naturel ni évident » Il s'attendrait plutôt à voir les relations sexuelles traitées « comme un échange de services en lui même réciproque ». Et ce fonctionnaliste dont l'oeuvre entière proclame que tout, dans les institutions sociales, répond à un but, conclut avec une légèreté singulière: « C'est que la coutume arbitraire et inconséquente en ce cas comme en d'autres, décide qu'il s'agit d'un service rendu aux hommes par les femmes, et que les hommes doivent payer pour l'obtenir ». Faut-il donc défendre les principes du fonctionnalisme contre leur auteur? Pas plus en ce cas que dans les autres, la coutume n'est inconséquente. Mais pour la comprendre, on ne doit pas se borner à considérer son contenu apparent et son expression empirique. Il faut dégager le système des relations dont elle illustre seulement l'aspect superficiel.

Or, les relations sexuelles entre homme et femme sont un aspect des prestations totales dont le mariage offre un exemple, en même temps qu'il en fournit l'occasion. Ces prestations totales portent, nous, l'avons vu, sur des biens matériels, sur des valeurs sociales telles que droits, privilèges, obligations, et sur des femmes. La relation globale d'échange qui constitue le mariage ne s'établit pas entre un homme et une femme qui, chacun doit et chacun reçoit quelque chose : elle s'établit entre 2 groupes d'hommes, et la femme y figure comme un des objets de l'échange, et non comme un des partenaires entre lesquels il a lieu. Cela reste vrai, même lorsque les sentiments de la jeune fille sont pris en considération comme c'est d'ailleurs habituellement le cas. En acquiesçant à l'union proposée, elle précipite ou permet l'opération d'échange; elle ne peut en modifier la nature. Ce point de vue doit être maintenu dans toute sa rigueur même en ce qui concerne notre propre société, où le mariage prend l'apparence d'un contrat entre des personnes. Car le cycle de réciprocité que le mariage ouvre entre un homme et une femme, et dont l'office du mariage décrit les aspects, n'est qu'un mode secondaire d'un cycle de réciprocité plus large, qui gage l'union d'un homme et d'une femme, fille ou soeur de quelqu'un par l'union de la fille ou de la soeur de cet homme, ou d'un autre homme, avec ce même quelqu'un. Si l'on garde cette vérité présente à l'esprit, l'anomalie appa-

rente, signalée par Malinowski, s'explique très simplement. Dans l'ensemble des prestations dont une femme fait partie, il est une catégorie dont l'exécution dépend, au premier chef, de son bon vouloir : les services personnels, qu'ils soient d'ordre sexuel ou domestique. Le manque de réciprocité qui semble les caractériser aux îles Trobriand, comme dans la plupart des sociétés humaines, n'est que la contrepartie d'un fait universel : le lien de réciprocité qui fonde le mariage n'est pas un lien établi entre des hommes et des femmes, mais entre des hommes au moyen des femmes, qui en sont seulement la principale occasion ».

Vậy, ta vira xét xong thành-kiến thứ nhất về mẫu-hệ và chế-độ mẫu-hệ, thành-kiến cho rằng mẫu-hệ và chế-độ mẫu-hệ là một tình-trạng trong ấy người đàn-bà có quyền-lực và ưu-thế. Thành-kiến thứ hai về mẫu-hệ và chế-độ mẫu-hệ là thành-kiến được tóm-tắt như sau trong Encyclopedia Britannica năm 1910 : « Matriarcat ou droit maternel, terme employé pour désigner ce que l'on suppose être la forme primitive de la vie familiale, typique des sociétés inférieures, dans lesquelles les relations de promiscuité avaient pour résultat la naissance d'enfants de père inconnu » và « Le matriarcat était un état social dans lequel la parenté n'était définie qu'en ligne féminine, sans aucune reconnaissance des liens sociaux paternels ». « Chế-độ mẫu-hệ hay mẫu-quyền, danh từ dùng để

chỉ cái mà ta tưởng là trạng-thái đầu-tiên của đời sống gia-đình, đặc-biệt cho những xã-hội thô-sơ, trong ấy loạn-giao mang lại sự sinh-đẻ những đứa con không cha», và «chế-độ mẫu-hệ là một trạng-thái xã-hội trong ấy thân-tộc chỉ được xác-định theo mẹ mà chẳng nhìn-nhận chút nào những quan-hệ xã-hội bên cha».

Trước hết, giữa hai đoạn văn trên có những mối liên-lạc được xác-định bởi các ý-tưởng sau : — 1. Sự loạn-giao — 2. Sự sinh-đẻ những đứa con không cha. — 3. Thân-tộc chỉ được xác-định theo mẹ. — 4. Chẳng nhìn-nhận chút nào những quan-hệ xã-hội bên cha.

Đây là 4 ý-tưởng chính sai-lầm có liên-hệ với nhau mà sau đây ta sẽ phân-tích và phê-bình : Ta đã có dịp nhận-thức rằng trạng-thái loạn-giao là một trạng-thái không hiện-hữu ở xã-hội nào cả, là một trạng-thái do những nhà nhân chủng-học đầu-tiên tạo-tác trong trí tưởng-tượng của họ. Theo họ thì trong tình-trạng này, không phân-biệt bà-con, bất-kỳ người đàn-ông nào cũng có quyền giao-cấu với bất-kỳ người đàn-bà nào và kết-quả lẽ dĩ-nhiên là con sinh ra chỉ biết có mẹ. Do đấy, người ta tưởng rằng chỉ có bà-con bên mẹ mới được nhìn-nhận không những về mặt sinh-lý mà còn về mặt xã-hội.

Muốn hiểu rõ vì sao những nhà nhân-chủng-học đầu-tiên cho rằng tình-trạng loạn-giao là tình-

trạng đầu-tiên của đời sống gia-đình, ta nên nhớ rằng người tung ra nguy-thuyết này, LEWIS MORGAN, là một nhân-chủng-học theo thuyết biến-hóa hay tiến-hóa. Ông ta đã áp-dụng thuyết này vào vấn-đề thân-tộc, hôn-nhân và cho rằng : vì chế-độ đơn-thê của những xã-hội văn-minh Âu-Tây là hoàn-hảo nhất nên tình-trạng đầu-tiên thô-sơ nhất của loài người là tình-trạng trong ấy đời sống gia-đình không được chi-phối bởi luật-lệ nào cả, là một tình-trạng vô luật-lệ. Với sự tiến-bộ lần-lần luật-lệ đến gò-bó và tổ-chức đời sống gia-đình. Không những LEWIS MORGAN không đem lại một thí-dụ cụ-thể nào để minh-chứng giả-thiết của mình mà hơn nữa tội người ta phạt nặng nhất trong những xã-hội thô-sơ là tội gian-dâm loạn-luân nghĩa là tội giao-cấu giữa bà-con với nhau. Loạn-luân là một đại-hình. Và lại trong những xã-hội ấy, tổ-chức thân-tộc và hôn-nhân là một tổ-chức trên ấy được dựa tất cả guồng máy chính-trị, kinh-tế, xã-hội, cho nên nó phức-tạp hơn tổ-chức thân-tộc và hôn-nhân Âu-Tây nhiều. Tuy-nhiên, những nhà Nhân-chủng-học nối gót LEWIS MORGAN cũng sa vào sự lầm-lẫn trên, và nguy-hại hơn, họ dựa trên những điều nhận-xét mà họ cho là đích-xác. Nhưng ta hãy xem vài trường-hợp được nêu lên và sự giải-thích những trường-hợp ấy. Người CROW có phong-tục nhường vợ mình trong một thời gian cho bạn mình hay cho một người lớn tuổi hơn mình để mong những người này chia-xẻ cho mình những quyền-lực thần-bí. Ở trong những bộ-lạc Phi-

châu và Úc - châu, người ta thường có phong-tục nhường vợ và nhà mình cho khách-khứa theo luật ghen-đãi. Những trườg-hợp trên không cho ta kết-luận rằng bất-kỳ người đàn-bà nào cũng có thể làm vợ bất-kỳ người đàn-ông nào. Hôn-nhân là một trạng thái xã-hội cần được luật-pháp hợp-lý-hóa. Đây chỉ là một cách tổ-tinh thân-hữu trong một thời-gian ngắn. Một người đàn-bà nào đấy, vợ của một người đàn-ông nhất-định có thể được chồng mình cho bạn mợn một lúc để thấ-t-chặt tình liên-đôi.

Vài trường-hợp nữa :

Những người chiến-sĩ độc-thân MASSAI (Phi-châu) thường sống chung với nhau trong một chòi có con gái làm tình-nhân. Những người con gái này không phải là bà-con cũng không phải là vị hôn-thê của những chiến-sĩ này. Sau khi được thỏa-mãn rồi và đến lúc cần lấy vợ, những người chiến-sĩ này từ-bỏ lều dề đi tìm vợ. Chớ ngạc-nhiên trước định-chế này. Định-chế này tương-tự với sự mại-dâm hay nghề đĩ-thỏa ở xứ ta và ở xứ Âu-Mỹ. Và ở trong tất cả những xã-hội này, văn-minh và thô-sơ, hôn-nhân không bị phủ-nhận bởi sự mại-dâm hay định-chế MASSAI vừa tả trên.

Nhưng người TCHOUKTCHE lại có phong-tục trao-đổi vợ. Phải chăng đấy là một tình-trạng loạn-giao ? Không, đấy chỉ là một hình-thức hôn-nhân

châu và Úc - châu, người ta thường có phong-tục nhường vợ và nhà mình cho khách-khứa theo luật nghênh-đãi. Những tru-ờng-hợp trên không cho ta kết-luận rằng bất-kỳ người đàn-bà nào cũng có thể làm vợ bất-kỳ người đàn-ông nào. Hôn-nhân là một trạng thái xã-hội cần được luật-pháp hợp-lý-hóa. Đây chỉ là một cách tổ-tinh thân-hữu trong một thời-gian ngắn. Một người đàn-bà nào đấy, vợ của một người đàn-ông nhất-định có thể được chồng mình cho bạn mợn một lúc để thắt-chặt tình liên-đới.

Vài trường-hợp nữa :

Những người chiến-sĩ độc-thân MASSAI (Phi-châu) thường sống chung với nhau trong một chòi có con gái làm tình-nhân. Những người con gái này không phải là bà-con cũng không phải là vị hôn-thê của những chiến-sĩ này. Sau khi được thỏa-mãn rồi và đến lúc cần lấy vợ, những người chiến-sĩ này từ-bỏ lều dề đi tìm vợ. Chớ ngạc-nhiên trước định-chế này. Định-chế này tương-tự với sự mai-dâm hay nghề đĩ-thỏa ở xứ ta và ở xứ Âu-Mỹ. Và ở trong tất cả những xã-hội này, văn-minh và thô-sơ, hôn-nhân không bị phủ-nhận bởi sự mai-dâm hay định-chế MASSAI vừa tả trên.

Nhưng người TCHOUKTCHE lại có phong-tục trao-đổi vợ. Phải chăng đấy là một tình-trạng loạn-giao ? Không, đấy chỉ là một hình-thức hôn-nhân

bình-thường giữa một người đàn-ông nhất-định với một người đàn-bà nhất-định nhưng được phụ-thêm bởi một sự trao-đổi quyền sở-hữu đối với người vợ, giữa bạn-bè để tỏ tình thân-thiện.

Người đàn-ông DIERI (Úc) có quyền có nhiều vợ, người đàn-bà DIERI có quyền có nhiều chồng. Nhưng ta nên đề ý rằng vợ chính có ưu-tiên đối với vợ hầu và chồng chính có ưu-tiên đối với chồng phụ. Những sự kiện này không cho phép ta nói đến sự hỗn-tạp, ô-hợp trong hôn-nhân. Vì không có một đoàn-thể đàn-ông bình-đẳng trong quyền sở-hữu đối với một đoàn-thể đàn-bà. Trái lại, chỉ có một người đàn-ông là chồng chính-thức và có toàn-quyền; và những người chồng khác là những người chồng phụ với sự ưng-thuận của người chồng chính.

Vậy nguy-thuyết cho rằng có loạn-giao là sai-lầm. Cốt đối với thuyết có liên-hệ với thuyết trên cho rằng sự sinh-để những đứa con không cha có hậu-quả sinh ra mẫu-hệ và mẫu-quyền, thì sao? Sai luôn. Hơn nữa ta nên đề ý rằng những quan-hệ thân-tộc trước hết là những quan-hệ xã-hội chứ không phải sinh-vật. Điều này ta không cần phải nhắc đi nhắc lại. Còn hai mệnh-đề thứ 3 và thứ 4: thân-tộc chỉ được xác-định theo mẹ; chẳng nhìn-nhận chút nào những quan-hệ xã-hội bên cha? Không những, sự nhận-xét ấy giả-tạo và sai-lầm mà hơn nữa lý-luận trên không được chính-đáng lắm. Vì lý-

luận ấy, phải đi từ phạm-vi sinh-vật đến phạm-vi sinh-vật, hay từ phạm-vi xã-hội đến phạm-vi xã-hội. Đây, nó đi từ phạm-vi sinh-vật đến phạm-vi xã-hội. Sai-lầm trong hình-thức.

Lý-luận trên đây lại quên một sự phân-biệt bây giờ thường-xuyên, cổ-diễn trong Nhân-chủng-học : sự phân-biệt giữa những quan-hệ tình-cảm và những quan-hệ luật-pháp và xã-hội. Theo sự phân-biệt ấy, vai-trò người mẹ trong phạm-vi tình-cảm luôn-luôn quan-trọng dù ở trong một xã-hội mẫu-hệ hay một xã-hội phụ-hệ. Vì thế ta không nên suy-luận từ một thái-độ tình-cảm và sinh-vật đến một chế-độ xã-hội và luật-pháp.

III

Bốn loại tử-hệ

A

Mẫu-hệ

Ở trên ta mới xét những khía-cạnh tiêu-cực của chế-độ mẫu-hệ : Chế-độ mẫu-hệ không có những đặc-tính gì ? Vậy nó có những tính-chất gì ? Đây là khía-cạnh tích-cực của vấn-đề mẫu-hệ này :

1

Ba xã-hội mẫu-hệ điển-hình : xã-hội NAYAR (Nam Ấn-Độ); xã-hội MENANG KABAU (Mã-lai); xã-hội KHASI ASSAM (Đông Ấn-độ).

Trước hết, ta nên đề ý rằng 3 xã-hội trên đây không thuộc vào loại thô-sơ mà thuộc vào loại văn-minh. Xã-hội NAYAR có một quý-tộc quân-sự gồm có nhiều đẳng-cấp. Họ biết thưởng-thức văn-chương và nghệ-thuật; có một nền văn-chương phong-phú dồi-dào; và biết diễn-tả tư-tưởng họ trong một thứ tiếng gọi là MALAYALI. Người MENANGKABAU cũng có văn-chương rất giàu-có và được người ngoại-quốc khâm-phục. Người KHASI kém hơn nhưng không phải là dã-man. Vậy

phải từ-bỏ thành-kiến của thuyết biến-hóa thịnh-hành từ LEWIS MORGAN cho rằng hình-thức đầu tiên và thô-sơ nhất của xã-hội là chế độ mẫu-hệ.

Đơn vị cơ-cấu căn-bản của hệ-thống thân-tộc NAYAR là một mẫu-hệ gia-tộc gọi là FARAVAD gồm có hơn 100 người. Một Faravad gồm có những người đàn-bà, con gái của họ, con trai của họ, và anh em trai của họ nhưng không gồm có chồng của họ. Đoàn-thê ấy kiểm-soát, khai-khẩn tài-sản trong một khoảng đất nhất-định. Con trai có quyền thừa-hưởng gia-tài của mẹ mình. Nhưng con-cái của họ không có quyền ấy. Đại-diện cho đoàn-thê để kiểm soát và khai-khẩn tài-sản là một người đàn ông lớn tuổi nhất gọi là *Karanavan*: người lãnh-đạo. Trong số những tổ-tiên được thờ-phụng, có những người anh em của mẹ và những người anh em của mẹ của mẹ. Người chồng Nayar có nhà riêng và thỉnh-thoảng đến thăm vợ mình trong nhà của họ. Họ không hưởng được tài-sản của vợ không có quyền-hành đối với con cái. Hình-như người vợ có quyền được ly-dị và người chồng thỉnh-thoảng phải biếu vợ mình vài món đồ quý-báu.

Đơn-vị cơ-cấu căn-bản của hệ-thống thân-tộc MENANGKABAU cũng là một mẫu-hệ gia-tộc gồm có nhiều thế-hệ. Những mối quan-hệ thân-tộc quan-trọng nhất về mặt luật-pháp là những mối quan-hệ với bà con bên mẹ. Những tổ-tiên được thờ-

phụng cũng là những tổ-tiên bên mẹ. Những quyền-lợi và bổn-phận quan-trọng nhất được xác-định trong khuôn-khò một gia-tộc mẫu-hệ. Người đàn-ông theo nguyên-tắc ít có quyền-hành và bổn-phận đối với vợ con mình. Đối với vợ và con mình người đàn-ông chỉ có những mối quan-hệ tình-cảm. Người đàn-ông thỉnh-thoảng biếu vợ mình vài món đồ quý-giá nhưng không có quyền chọn vợ và con mình làm những người thừa-kế của mình.

Những nhận-xét trên có giá-trị cho xã-hội mẫu-hệ KHASI. Trong xã-hội này tuy nhiên người chồng có vài quyền-hành đối với vợ : chẳng-hạn như có thể trừng-phạt nghiêm-khắc người vợ ngoại-tình. Người cha KHASI có thể-thống hơn và được con-cái thờ-phụng sau khi qua đời. Người vợ góa có thể giữ trong một thời-hạn nào đấy hài-cốt của chồng mình. Sau thời-hạn ấy hài-cốt của người chồng sẽ phải trở về gia-tộc hay thị-tộc của người chồng ấy.

2

Nguyên-tắc

a

Sự quan-trọng của gia-tộc hay sự duy-nhất của đoàn-thể ấy :

Nguyên-tắc này làm cho hai chế-độ mẫu-hệ và phụ-hệ tương-tự với nhau. Thật vậy, trong một chế-

độ mẫu-hệ, những quan-hệ thân-tộc luật-pháp và xã-hội quan-trọng nhất của một cá-nhân nào đấy là những quan-hệ với thân-tộc và gia-tộc mẹ mình. Trong một chế-độ phụ-hệ, những quan-hệ thân-tộc, pháp-luật và xã-hội quan-trọng nhất của một cá-nhân nào đấy là những quan-hệ với thân-tộc và gia-tộc cha mình. Vậy hai chế-độ khác nhau đều dựa trên một nguyên-tắc chung là : Sự duy-nhất của gia-tộc. Chính nguyên-tắc chung này làm cho hai chế-độ khác với một chế-độ « không phân-biệt tử-hệ » (filiation indifférenciée). Chế-độ « không phân-biệt tử-hệ » này được tìm thấy hoặc trong những xã-hội hồ-sơ chưa có tổ-chức xã-hội hoàn-bị, hoặc trong những xã-hội văn-minh phức-tạp có những tổ-chức hình-trị, kinh-tế, hành-chánh, luật-pháp đến thay-hế những tổ-chức thân-tộc trong việc điều-hành xã-hội. Trái lại, dù là chế-độ mẫu-hệ hay chế-độ phụ-hệ, phạm-sự và công-dụng của gia-tộc là tổ-chức kinh-tế, chính-trị, tôn-giáo, hành-chánh, luật-pháp... Trong những xã-hội phức-tạp hơn những xã-hội hồ-sơ nhất, nhưng đơn-giản hơn những xã-hội văn-minh, có kỹ-nghệ.

b

Hai loại hôn-nhân khác nhau

Như vừa thấy, giữa chế-độ mẫu-hệ và chế-độ phụ-hệ có điểm giống nhau ở trong nguyên-tắc chung đề-cao sự duy-nhất của gia-tộc.

Nhưng ta không nên quên rằng giữa hai chế-độ ấy lại có những sự khác nhau. Khác nhau ở đâu ? Nguyên-tắc nào chi-phối sự khác nhau ấy ? Và sự-kiện, hiện-tượng nào cho thấy rõ-ràng sự khác nhau ấy ? Ở đây ta không thể tách-riêng vấn-đề mẫu-hệ ra khỏi vấn-đề phụ-hệ. Hai vấn-đề ấy có liên-quan với nhau và chỉ có một phương-pháp đối-chiếu mới đem lại ánh-sáng cho mỗi một vấn-đề lấy riêng : mẫu-hệ hay phụ-hệ, và cho hai vấn-đề nói chung.

Hôn-nhân là định-chế phân-biệt hai chế-độ phụ-hệ và mẫu-hệ. Mỗi một chế-độ ấy chủ-trương một loại hôn-nhân đặc-biệt Sự trao-đổi là hiện-tượng quan-trọng nhất trong hôn-nhân, là ý-nghĩa của hôn-nhân. Người con gái là một của quý, của quý nhất mà một gia-tộc này trao-đổi với một gia-tộc kia. Trong sự trao-đổi ấy, gia-tộc « cho » « donneur » bị thiệt-thòi. Không những bị thiệt-thòi, mà cơ-cấu của gia-tộc lại bị xáo-trộn hai lần : một lần khi nó mất đi một đơn-vị : người con gái đi lấy chồng ; hai lần khi người rề, kẻ lạ ấy, đột-nhập vào gia-đình vợ mình và có thể xích-mịch với cha hay anh em trai vợ. Để tránh sự xô-xát ấy nhất là về mặt quyền-lợi-ta nên nhớ thế người ta chủ-trương hai loại hôn-nhân khác nhau : một loại đề-cao mẫu-quyền nghĩa là quyền của gia-tộc vợ mà những đại-diện là cha hay anh em trai vợ ; một loại đề-cao phụ-quyền

nghĩa là quyền của gia-tộc chồng mà đại-diện là cha của con hay chồng của vợ.

Vậy trước hết hãy xét hôn-nhân đề-cao phụ-quyền : Xã-hội điển-hình về mặt này là xã-hội La-mã thời cổ. Xã-hội phụ-hệ hay phụ-quyền này chủ-trương rằng trong hôn-nhân, cha người con gái đi lấy chồng trao toàn-quyền của mình đối với người con gái ấy cho về mình hay chồng của người con gái mình. Con gái đi về nhà chồng phải bỏ thờ-cúng tổ-tiên mình và phải thờ-phụng tổ-tiên chồng mình. Đàn-ông là chủ tuyệt-đối của vợ và con mà nó có quyền bán đi. Trong chế-độ phụ-quyền, con-cái hoàn-toàn phụ-thuộc về mặt quyền-lợi và pháp-lý thân-tộc bên cha. Trái-lại, về mặt xã-hội, pháp-luật, thân-tộc bên mẹ không có một chút quyền-lợi và bổn-phận nào cả đối với con của con gái mình. Nhưng những mối liên-lạc tình-cảm rất khăng-khít, thân-mật.

Ở trên, ta đã thấy rằng trong hôn-nhân luôn-luôn có hai bên hay hai phe. Phe «cho» (donneur) và phe lấy «preneur». Phe «cho» thiệt-thời. Phe «lấy» hưởng lợi. Trong chế-độ phụ-quyền người ta nhận-định vai-trò của sự trao-đổi một cách thông-minh rõ-ràng và thực-tế. Nghĩa là phe «cho» quan-niệm rằng trong sự trao-đổi phải cần có thiệt-thời. Và muốn dứt-khoát với sự cần-thiết này, phe «cho» tự-nhủ rằng luật trao-đổi bắt-buộc mình phải thiệt-thời

một cách hoàn-toàn trong kỳ «cho» này để hưởng lợi một cách hoàn-toàn trong kỳ «lấy» khác. Nghĩa là nếu tôi đành hoàn-toàn cho con gái hay chị em của tôi đi, thì trái lại luật xã-hội cho phép tôi tin rằng, đợi - chờ, người khác cho tôi một cách hoàn - toàn con gái hay chị em của họ. Trong chế-độ phụ-quyền, như trong kinh-tế, như trong buôn-bán, người đàn-ông dám cho hết để được hết hay dám liêu hết để được hết.

Thế thì trong hôn-nhân mẫu-quyền những gì xảy ra để làm cho chế-độ mẫu-hệ khác với chế-độ phụ-hệ? Quả-quyết, dứt-khoát trong sự trao-đổi đàn-bà: chế-độ phụ-hệ. Lưng-chứng, do-dự, không sáng-suốt, hẹp-hòi trong sự trao-đổi (cho và lấy): chế-độ mẫu-hệ. Thật vậy, song, muốn thấu-hiểu thái-độ tâm-lý tập-thể trên, ta phải đề ý đến đoàn-thể anh em chị em ruột (siblings). Trong chế-độ phụ-hệ, như đã thấy trên, người con gái thuộc về một đoàn-thể anh em chị em ruột, được cho đi lấy chồng một cách dứt-khoát. Nghĩa là bắt đầu từ ngày họ có chồng có con, họ sẽ hoàn-toàn phụ-thuộc thân-tộc chồng họ. Con họ cũng vậy. Trái lại, trong chế-độ mẫu-hệ mặc dầu người con gái đã được cho đi lấy chồng, nhưng vẫn còn phụ-thuộc đoàn-thể anh em chị em ruột của họ. Anh em chị em ruột của người đàn-bà có chồng ấy và con-cái của người đàn-bà ấy đều sống chung dưới một mái nhà và đồng hưởng của-cải tiền-tài chung. Nói cách khác, nhà vợ chịu nhượng cho

người rề những quyền-lợi sinh-lý. Nhưng những quyền-lợi xã-hội và luật-pháp thì bo-bo giữ lấy cho chỉ một mình mình. Vậy trong hôn-nhân mẫu-quyền anh em chị em ruột quản-trị cháu-chắt và người chồng hay người cha không có bổn-phận và không có quyền lợi đối với con ruột mình. Ít nhất đấy là nguyện-vọng và ước-ao của nhà gái. Chứ trong thực-tế, ta sẽ thấy, người chồng và cha sẽ lần-hỏi thu-phục chủ quyền của mình trên vợ và trên con.

Hãy xét địa-vị người cha trong một chế-độ phụ hệ và trong một chế-độ mẫu-hệ, địa-vị ấy biến-đổi cùng một lúc với địa-vị người cậu, anh em của mẹ, trong một chế-độ phụ-hệ và trong một chế-độ mẫu-hệ. Trong một chế-độ phụ-hệ, lẽ dĩ-nhiên, người cha có nhiều quyền-lợi và bổn-phận đối với con mình cũng như người chồng có nhiều quyền-lợi và bổn-phận đối với vợ mình. Nhưng ở đây điều quan-trọng và đầy ý-nghĩa, vì nó sẽ cho thấy phương-pháp nghiên-cứu một hệ-thống thân-tộc là phương-pháp cơ-cấu không tách-riêng từng phần-tử nhưng xem những phần-tử riêng-biệt như tương-quan với nhau, một phần-tử nào biến-đổi sẽ lôi-cuốn một phần-tử khác biến-đổi theo: ví dụ: phụ-hệ / mẫu-hệ làm thành một cặp đối-lập nhưng bổ-túc; anh em họ tréo / anh em họ song-song làm thành một cặp đối-lập nhưng bổ-túc; nội / ngoại một cặp đối-lập nhưng bổ-túc; cha / anh em trai của mẹ một cặp đối lập nhưng bổ-túc khác ... điều quan-trọng và đầy ý-nghĩa ở đây, chúng ta

nói, là địa-vị người cậu, anh em trai mẹ trong chế-độ phụ-hệ. Nếu trong chế-độ phụ-hệ người cha nghiêm-khắc có nhiều quyền-lực vì hiện-thân cho xã-hội và pháp-luật, thì trái lại người anh em mẹ, người cậu có nhiều cử-chỉ âu-yếm, thân-mật, gần-gũi đối với cháu mình. Trong một chế-độ phụ-hệ, giữa cháu và cậu ít có quyền-lợi và bõn-phận được pháp-luật xác-định rành-rẽ nên những dây liên-lạc giữa hai loại bà con ấy rất dễ-dãi, dễ-dàng, thân-mật, âu-yếm. Trong những xã-hội Phi-châu con-cái mới lớn lên được gửi sang nhà cậu hay ông ngoại nó Ở đây chúng nó được tiếp-đãi nồng-hậu, được nương-chiêu. Đôi khi chúng còn đòi nhiều quyền-lợi. Người cậu biểu cho cháu mình áo-quần, cơm-nước, tiền-bạc trong dịp thụ-giáo. Trong những lúc khó-khăn, hoạn-nạn . . . người cậu khuyên-lơn, an-ủi cháu mình, dàn-xếp những sự xích-mích giữa anh em và cha con. Người cậu cúng-tế thần-thánh lúc cháu mắc bệnh. Đôi khi ở-ạt hơn, cháu-chất bên mẹ rằm-rộ kéo nhau đến phá-phách một đám ma, gây rối-loạn, cướp ăn, làm trò hề . . . Thường-thường người con gái của cậu (chị em họ tréo) lại là người vợ lý-tưởng của tôi. Thành-thử cậu tôi là ông gia của tôi. Nên giữa tôi và cậu tôi lại sinh ra một dây liên-lạc mật-thiết nữa. Cậu tôi không bao giờ độc-tài : tôi luôn-luôn có quyền đòi-hỏi người con gái cậu tôi như là quyền sở-hữu của tôi. Tôi có quyền cướp-giựt tiền-tài của-

cái, con gái cậu tôi. Cháu của cậu là chủ của cậu.

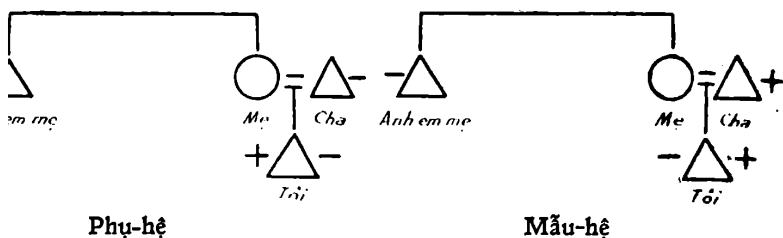
Hơn nữa, ta thường thấy nhiều xã-hội phụ-hệ dùng những quy-ước giả-tạo để thân-mật-hóa những quan-hệ cậu-cháu, hay để định-chế-hóa những quan-hệ thân-mật sẵn có giữa cháu và cậu. Thi-dụ xã-hội Nandi và Massai áp-dụng một danh-từ xưng-hô hổ-tương để chỉ cháu và cậu: vậy cháu và cậu cân-đối với nhau và được đặt ngang hàng nhau. Muốn hiểu tại sao cần những quy-ước giả-tạo ấy thì ta không nên quên rằng theo thường-lệ những quan-hệ của ta đối với thế-hệ thứ nhất trên ta (cha, chú, cô, dì...) là những quan-hệ gay-cấn căn cứ trên hình-thức, trên sự tôn-sùng, cung-kính. Vậy cậu ta là ngoại-lệ đối với luật ấy, và những quy-ước mà ta dùng, nhằm mục-tiêu củng-cố ngoại-lệ ấy. Thêm một quy-ước tương-tự: Như ai nấy đều biết, thái-độ của cháu-chắt đối với ông bà là một thái-độ thân-mật ấm-cúng. Trái với thái-độ xa-cách, khiếp-sợ của cháu đối với loại bà-con trên nó một thế-hệ: chú, bác, cô... Vậy muốn thái-độ của cháu đối với cậu được dễ-dàng, thân-mật, gần-gũi như phong-tục của chế-độ phụ-hệ muốn, người ta nâng người cậu lên một thế-hệ ngang với thế-hệ của ông ngoại, và người cháu gọi cậu là «ông ngoại».

Hoàn-cảnh trái-ngược nhưng cân-đối trong chế-độ mẫu-hệ: ở đây người cậu là hiện-thân của

quyền-thế, là nhân-vật nghiêm-khắc tượng-trung cho gia-tộc mẫu-hệ được xã-hội nhìn-nhận là quan-trọng trong trường-hợp này. Vậy trong chế-độ này những quan-hệ của con đối với cha trở thành thân-mật để-dãi, ấm-cúng... Người cậu trong chế-độ mẫu-hệ có địa-vị tương-tự địa-vị người cha trong chế-độ phụ-hệ. Cậu lo gả chồng cho cháu gái, xây-dựng cơ-sở cho cháu trai; lúc qua đời để lại cho cháu trai chứ không phải cho con trai mình, chức-phận và địa-vị trong xã-hội. Trong chế-độ mẫu-hệ, người con trai, hết tuổi thơ-ấu, đến nhà cậu ở, được cậu huấn-luyện cho về mọi mặt. Cậu qua đời sẽ để gia-tài cho cháu trai đầu của mình nếu mình không có em trai. Người cháu trai này nếu hưởng được gia-tài của-cải thì trái lại phải lo chăm-sóc vợ của cậu mình. Vậy người chủ gia-đình ở đây phải vừa lo cho tương-lai của con ruột mình vừa làm tròn bổn-phận đối với cháu con chị em mình, người thừa - kế hợp - pháp của mình. Một câu tục-ngữ *Ashanti* nói rằng : «Le fils de ta soeur est ton ennemi» «con trai của chị em mày là kẻ thù của mày». Người cháu cầu-mong cho cậu mình chết để đoạt gia-sản. Thái-độ của cháu đối với cậu là một thái-độ đầy ý-nghĩa và lưỡng-chiều : Thật vậy nếu cháu-chắt cùng chia cơm xẻ áo với cậu mình thì đồng-lời nó cũng không bỏ qua một dịp để trách móc cậu mình ích-kỷ không chịu thỏa-mãn yêu-sách của mình, oán-ghét cậu mình tiêu-phi những món tiền mà cậu mình đáng lẽ phải dành-dựm cho

minh. Người con trai ấy lúc oán-ghét cha mình thì oán-ghét họ qua chị em của cha mình và cháu kêu cha mình bằng cậu, vì rằng cha mình ban ân-huệ cho cháu-chắt họ và như thế làm cho mình thiệt-thời.

Hãy hình-dung hệ-thống thái-độ hữ-tương giữa cậu, cháu, cha, con trong chế-độ phụ-hệ và trong chế-độ mẫu-hệ, bằng hai đồ-biểu sau :



Hình 8

Giải-thích :

(+) : Chỉ những mối quan-hệ, những dây liên-lạc gần-gũi, ấm-cung, dễ-dàng, thân-mật, dựa trên tình-cảm.

(-) : Chỉ những mối quan-hệ, những dây liên-lạc xa-cách, lạnh-nhạt, gay-cấn, tôn-kinh, căn-cứ trên luật-pháp.

Vậy trong chế-độ phụ-hệ liên-quan cha, con có dấu Âm; liên-quan cậu, cháu có dấu Dương. Trong chế-độ mẫu-hệ liên-quan cậu, cháu có dấu Âm; liên-quan cha, con có dấu Dương.

Vậy, sự khác nhau giữa chế-độ phụ-hệ và chế-độ mẫu-hệ ở trong hai loại hôn-nhân khác nhau : hôn-nhân mẫu-quyền và hôn-nhân phụ-quyền. Và sự khác nhau giữa hai loại hôn-nhân này là ở chỗ : trong loại hôn-nhân mẫu-quyền đoàn-thể anh em chị em ruột và nhất là anh em trai ruột của mẹ giữ một vai-trò quan-trọng trong sự trao-đổi đàn-bà, trong loại hôn-nhân phụ-quyền đoàn-thể anh em chị em ruột và nhất là anh em trai ruột của cha giữ một vai-trò quan-trọng trong sự trao-đổi đàn-bà. Đây là hành-trình lý-luận của ta đến đây. Và lý-luận này hàm-súc hai ý-nghĩa : Ý-nghĩa thứ nhất : Vấn-đề mẫu-hệ và phụ-hệ là một vấn-đề cơ-cấu mà ta chỉ có thể giải-quyết bằng một phương-pháp cơ-cấu : ở đây vấn-đề cơ-cấu cho thấy những mối quan-hệ mật-thiết giữa hiện-tượng thân-tộc và hiện-tượng hôn-nhân. Làm môi-giới cho hai hiện-tượng ấy là sự trao-đổi. Từ sự-kiện trao-đổi ta đi qua ý-nghĩa thứ hai của lý luận trên : Trong vấn-đề phụ-hệ và mẫu-hệ nghi-vấn không phải là : nam-quyền hay nữ-quyền ? Vì trong mẫu-hệ chế-độ, người đàn-ông vẫn là người chủ. Câu hỏi là : Trong sự tranh-chấp chủ-quyền, đàn-ông bà-con bên mẹ hay đàn-ông bà-con bên cha thắng-thế, chiến-thắng ?

Nếu tất cả vấn-đề thân-tộc hôn-nhân là một vấn-đề đoàn-thể, thì ta hãy xét thêm một đoàn-

thề có vai-trò quan-trọng trong vấn-đề mẫu-hệ phụ-hệ này, và cho ta thấu-hiểu thêm vấn-đề ấy : Đó là đoàn-thề mẹ con. Trong chế-độ phụ-hệ, đoàn-thề mẹ con được gia-nhập vào đoàn-thề anh em chị em ruột của cha ; trong chế-độ mẫu-hệ, đoàn-thề mẹ con được gia-nhập vào đoàn-thề anh em chị em ruột của mẹ. Ý-tưởng về sự quan-trọng không biến-đổi của đoàn-thề riêng-biệt mẹ / con, có một giá-trị về phương-pháp. Nó ngẫu-đón ta sa vào nguy-thuyết cho rằng trong một chế-độ mẫu-hệ liên-quan mẹ/con rất quan-trọng, quan-trọng hơn trong chế-độ phụ-hệ. Dù ở chế-độ mẫu-hệ hay ở chế-độ phụ-hệ, đoàn-thề mẹ/con là một đoàn-thề riêng-biệt quan-trọng, những tương-quan mẹ-con là những tương-quan ấm-cúng, nồng-hậu, khăng-khít nhất. Ngay trong những xã-hội phụ-hệ, người ta cho rằng mẹ và con đồng thề-chất. Trong những bộ-lạc phụ-hệ Phi-châu, con-cái cùng mẹ khác cha khăng-khít với nhau hơn con-cái cùng cha khác mẹ. Sự quan-trọng không biến-đổi của đoàn-thề mẹ-con do ở những yếu-tố tâm-lý và sinh-lý chứ không phải xã-hội. Vì ai cũng biết rằng sự âu-yếm, hiền-từ... của người mẹ làm cho con-cái lưu-luyến họ hơn cha nó và hơn những bà-con khác của nó. Đoàn-thề mẹ/con là một đoàn-thề bất-biến và có tính-chất riêng của nó. Nhất là nó được xây-dựng trên những cơ-sở tâm-lý chung cho mọi xã-hội, cho loài người.

Vậy về mặt xã-hội, đây không phải là một đoàn

thể quan-trọng. Vấn-đề thiết-yếu ở đây là một vấn-đề cơ-cấu : đoàn-thể bất-biến ấy, đoàn-thể mẹ/con, được gia-nhập vào một trong hai đoàn-thể nào khác: đoàn-thể anh em ruột của mẹ hay đoàn-thể anh em ruột của cha. Trong vấn-đề này sự quan-trọng không phải ở tinh-chất của đoàn-thể mẹ/con mà ở hệ-thống quan-hệ toàn-thể : đoàn-thể anh em ruột của cha/đoàn-thể mẹ-con/đoàn-thể anh em ruột của mẹ. Dùng một ngôn-ngữ toán-học sơ-đẳng, ta nói như sau : đoàn-thể mẹ-con là một bất-biến-số (invariable); đoàn-thể anh em ruột của cha và đoàn-thể anh em ruột của mẹ là hai biến-số (variable) của vấn-đề phụ-hệ/mẫu-hệ này. Thế thì ở đây những biến-số quan-trọng hơn vì vấn-đề chính là : phụ-hệ khác mẫu-hệ ở chỗ nào và thế nào ?

Nhưng hãy kiên-nhẫn : vấn-đề mẫu-hệ này chưa được cứu-xét đầy-đủ tuy hành-trình lý-luận đã khá dài. Trong hành-trình lý-luận ấy liên-quan đến nguyên-tắc của chế-độ mẫu-hệ (2/ ở trong bài) — tôi xin nhắc lại — ta đã xét ở (a/) sự giống nhau giữa phụ-hệ và mẫu-hệ : sự giống nhau ấy ở trong một nguyên-tắc chung : sự duy-nhất của đoàn-thể gia-tộc : gia-tộc phụ-hệ hay gia-tộc mẫu-hệ; ta đã xét ở (b /) sự khác nhau giữa mẫu-hệ và phụ-hệ : sự khác nhau ấy ở trong hai loại hôn-nhân khác nhau : hôn-nhân mẫu-quyền và hôn-nhân phụ-quyền. Và cuối-cùng muốn đầy-đủ ta hãy xét bây

giờ ở (c/) sự-khiên quan-trọng sau : sự không tương-đương giữa chế-độ mẫu-hệ và chế-độ phụ-hệ.

c

*Chế-độ mẫu-hệ và chế-độ phụ-hệ
không tương-đương với nhau*

Sự không tương-đương, sự không cân-đối ấy làm cho cơ-cấu xã-hội thay-đổi rất nhiều tùy sự lựa-chọn chế-độ này hay chế-độ kia. Và quan-trọng hơn: chế-độ phụ-hệ có ưu-thế đối với chế-độ mẫu-hệ. Vậy nhược-thế của chế-độ mẫu-hệ ở đâu ?

Ta không thể giải-quyết vấn-đề ấy được, nếu không phân-tích vấn-đề chế-độ : phụ-hệ chế-độ hay mẫu-hệ chế-độ làm hai yếu-tố khác nhau. Chế-độ mẫu-hệ hay chế-độ phụ-hệ gồm có hai yếu-tố :

1. Tử-hệ theo nghĩa hẹp.
2. Chỗ ở.

Và nếu lý-luận trừu-tượng, nghĩa là không cần đề ý đến thực-trạng, ta có thể phân-tích và phối-hợp như sau :

1. Mẫu-hệ + chỗ ở theo mẹ → toàn-thể mẫu-hệ (theo danh-từ của LOWIE). Filiation matrilineaire + Résidence matrilocale → Complexe matrilineaire.

2. Phụ-hệ (filiation patrilinéaire) + chỗ ở theo cha (résidence patrilocale) → toàn-thể phụ-hệ.

Đó là một sự phối-hợp mạch-lạc, hợp-lý. Toàn-thể phụ-hệ tương-đương với toàn-thể mẫu-hệ vì mỗi một toàn-thể này đều gồm có hai yếu-tố: tử-hệ theo nghĩa hẹp và chỗ ở tương-đương với hai yếu-tố của toàn-thể kia.

Nhưng nếu nhìn vào sự điều-hành của mỗi một chế-độ, ta sẽ thấy rằng : Chế-độ mẫu-hệ không tương-đương với chế-độ phụ-hệ. Và chế-độ phụ-hệ có ưu-thế đối với chế-độ mẫu-hệ.

Thật vậy, phân-tích và phối-hợp theo thực-trạng sẽ dẫn đến sự xếp-loại sau nêu rõ nhược-thế của chế-độ mẫu-hệ :

1

Mẫu-hệ + chỗ ở theo mẹ vĩnh-viễn

Mẫu-hệ là quyền-lực của gia-tộc của mẹ mà những người đại-diện đáng đề ý nhất là những anh em trai mẹ. Còn «chỗ ở theo mẹ» lôi-cuốn những hậu-quả nào ? : Hãy phân-tích trường-hợp người *Pueblo* có chỗ ở theo mẹ vĩnh-viễn. Nhà ở là quyền sở-hữu của đàn-bà. Nhân của nhà ấy gồm có : bà ngoại, mẹ, chị em mẹ, anh em trai độc-thân của mẹ, con-cái của đàn-bà. Người chồng sống ở nhà vợ mình không có quyền cư-trú được xác-định và bảo-đảm

hắc-chấn. Lúc ly-dị họ phải trở về nhà mẹ và chị em họ. Người cha trao quyền phụ-tử của mình qua tay người anh em trai của mẹ của con mình. Nếu người đàn-bà trong « chỗ ở theo mẹ » được gia-đình mình che-chở và khỏi bị thiệt-thòi về nạn đa-thê, thì-những người chủ tối-cao của nhà của người đàn-bà ấy là những anh em trai hay cha của người đàn-bà ấy. Phải chăng người đàn-bà thoát khỏi nanh-vuốt của chồng để rơi vào bàn tay của cha và anh em trai mình ?

Những nhận-xét trên về xã-hội Pueblo có thể áp-dụng cho bất-cứ một xã-hội mẫu-hệ nào khác có chỗ ở theo mẹ: như xã-hội Menangkabau (Sumatra) chẳng hạn: ở đây người ta gọi người chồng là « orang samando » « homme emprunté » « người mượn ». Ở đây quyền-lực ở trong tay anh em mẹ.

Nhưng ta phải thêm một nhận-xét tổng-quát và quan-trọng hơn: Những chế độ mẫu-hệ gồm có mẫu-hệ + chỗ theo mẹ vĩnh-viễn rất *hiếm-hoi*. Theo nhà nhân-chủng-học Mỹ LOWIE, chỉ có hai trường-hợp mẫu-hệ + chỗ theo mẹ vĩnh-viễn:

1. Xã-hội Pueblo

2. Xã-hội Khasi, nhưng cũng theo tác-giả ấy trường-hợp Khasi đáng ngờ-vực.

Mẫu-hệ + chỗ ở theo cha sau một kỳ-hạn ngắn hay dài.

Chế-độ mẫu-hệ này gồm có mẫu-hệ nghĩa là quyền-lực của bà-con bên mẹ; nhưng chỗ ở theo mẹ thì tạm-thời chứ không vĩnh-viễn như trên. Người chồng hay người rề sau một thời-gian cư-trú ở nhà vợ, có quyền định-cư ở một nơi khác và ở đây họ sẽ tương-đối có nhiều quyền-hành hơn đối với vợ và con. Trong những chế-độ mẫu-hệ rất hiếm-hoi (một trường-hợp chính-xác) gồm có mẫu-hệ + chỗ ở theo mẹ vĩnh-viễn, đoàn-thể đàn-ông lấy vợ, nhận-lãnh đàn-bà bị đoàn-thể đàn-ông cho đàn-bà hay chị em gái đẻ-nén, áp-bức một cách triệt-đề, tuyệt-đối. Thảm-trạng ấy không thể kéo dài, phải chấm-dứt. Và bằng giải-pháp sau: *mẫu-hệ + chỗ ở theo cha sau một kỳ-hạn ngắn hay dài.*

Nhưng ta không thể nói rằng sự xung-đột, sự xích-mịch giữa đoàn-thể nhận lãnh đàn-bà và đoàn-thể cho đàn-bà đã hẳn được dàn-xếp một cách dứt-khoát triệt-đề bởi giải-pháp trên. Vì sao? : Theo giải-pháp này, trong chế-độ ấy, người chồng và rề vẫn bị xem như một người lạ, một người ngoài «étranger» «homme du dehors», đôi khi một kẻ thù. Tuy vậy, người đàn-bà vẫn phải qua ở nhà và làng chồng mình. Và ở đây họ sinh-đẻ con-cái và con-cái này không tùy-thuộc uy-quyền của chồng họ mà lại

thuộc uy-quyền của anh em trai họ. Vậy tiền gia đình bị tan-rã, phân-ly đời đời từ thế-hệ này qua thế-hệ khác. Và nhất là người đàn-ông : chồng, cha ở trong một hoàn-cảnh rất khó xử. Đối với một mình, mình không có quyền-hành, đối với mình thế-lực mình lại bị uy-quyền anh em trai mình giới-hạn. Vậy trong chế-độ này luôn-luôn sự dằng-co. Sở-dĩ có thảm-trạng ấy là vì có một xung-khắc, một sự xung-đột giữa đoàn-thể cho đàn-bà và đoàn-thể nhận-lãnh đàn-bà. Mỗi một đoàn-thể ấy thay phiên nhau thắng-thế một lần : mẫu-hệ, đoàn-thể cho đàn-bà thắng-thế; chỗ ở theo cha, đàn-thể nhận-lãnh đàn-bà thắng-thế. Trong sự tranh chấp trên, người đàn-bà chỉ là người tượng-trưng cho thân-tộc họ. Đúng như LÉVI-STRAUSS viết : «La relation matrilineaire, c'est la main du père ou du frère de la femme qui s'étend jusqu'au village du beau-frère» «Mẫu-hệ là tay cha hay anh em trai của người đàn-bà với sang làng người rề».

3

Ưu-thế tuyệt-đối của chế-độ phụ-hệ (Phụ-hệ + chỗ ở theo cha).

Chế-độ mẫu-hệ không những là eo-hẹp, nhỏ-nhỏ trong sự trao-đổi. Lại là một chế-độ ở trong tình-trạng khủng-hoảng vĩnh-viễn, thường-trục. Vậy là những xã-hội có hay muốn có tổ-chức chính-trị

mạnh-mẽ đều phải chủ-trương chế-độ phụ-hệ. Chế-độ phụ-hệ nghĩa là phụ-quyền + chỗ ở theo cha. Vì chế-độ này đã loại-bỏ, sa-thải sự xung-kích, chốn-đổi giữa tử-hệ theo mẹ và quyền-thế của ngưi đàn-ông. Chế-độ này đã giải-quyết sự khủng hoản kinh-niên trên bằng cách khuếch-trương, phò-bí phụ-quyền và áp-dụng nguyên-tắc ấy vào mọi đp hạt xã-hội, vào chỗ ở và quyền-lực xã-hội chial trị đã đành nhưng hơn nữa vào tử-hệ.

Sự thống-trị của đàn-bà ? : chuyện hoang đường. Vấn-đề là : có sự tranh-chấp giữa hai đoàn thể đàn-ông, đoàn-thể cho đàn-bà / đoàn-thể lấy đàn-bà. Hậu-quả : khủng-hoảng kinh-niên. Phương thuốc : chế-độ phụ-hệ. Hãy nghe LÉVI-STRAUSS. « ' Règne des Femmes ' . . . époque où les hommes n'étaient pas parvenus à résoudre l'antinomie qui risque toujours d'apparaître entre leur rôle de pre-neurs de femmes et de donneurs de secours, et de faire d'eux, à la fois les auteurs et les victimes de leurs échanges » « ' Sự thống-trị của Đàn-bà ' . . . thời-kỳ mà đàn-ông chưa tìm ra được giải-pháp cho sự mâu-thuân có thể xảy ra giữa vai-trò lấy vợ và vai-trò cho chị em gái của họ, và làm cho họ đồng-thời thành những chủ-mưu và những nạn-nhân của sự trao-đổi ».

B

Phụ-hệ : Xem trên.

C

Chế-độ không phân-biệt tử-hệ

Phân-tích hai chế-độ mẫu-hệ và phụ-hệ đã cho thấy rằng hai chế-độ này có hệ-thống. Vì chúng áp-dụng một phương-pháp để chọn-lọc và tách-biệt những thân-thích đồng-loại và thuần-nhất ra khỏi khối thân-thích tạp-dị hầu làm thành một toàn-thể vững-chãi, sâu-rộng và bền-bỉ trong không-gian và thời-gian. Thật vậy chế-độ phụ-hệ đề-cao gia-tộc bên cha, chế-độ mẫu-hệ đề-cao gia-tộc bên mẹ. Và cạnh gia-tộc ta cũng thấy sự quan-trọng của đoàn-thể anh / em ruột cha hay đoàn-thể anh / em ruột mẹ trong sự trao-đổi đàn-bà con gái hay chị / em.

Hoàn-cảnh trái-ngược trong chế-độ không phân-biệt tử-hệ, một chế-độ tiêu-cực chỉ được xác-định bởi những sự khiếm-khuyết : khiếm-khuyết hệ-thống (absence de système), bệnh thiếu hệ-thống (maladie de système), xem thường gia-tộc, vai-trò những liên-hệ phụ-tử hay mẫu-tử không phân-minh, phận-sự bà-con bên cha hay bà-con bên mẹ biến-đổi không quy-luật theo sự ngẫu-nhiên hay ngoại-cảnh.

Tóm lại, tất-cả một hệ-thống vững-chãi, bền-bỉ, lâu-dài, chi-phối bởi và chứa-đựng trong một định-chế xã-hội phân-tán thành một mô thái-độ tâm lý lếnh-lạc biến-đổi tùy hoàn-cảnh lịch-sử, chính-trị, kinh-tế, và nhất là tùy những ưa-thích chủ-quan của cá-nhân. Đây là những ý-tưởng mà ta sẽ minh-chứng bằng hai ví-dụ cụ-thể liên-quan đến xã-hội văn-minh có kỹ-nghệ và một xã-hội thô-sơ : xã-hội LOZI ở Phi-châu.

Trong những xã-hội văn-minh có kỹ-nghệ, tổ-chức kinh-tế, chính-trị và hành-chính rất phức-tạp đến thay-thế hệ-thống thân-tộc rất quan-trọng trong những xã-hội thô-sơ. Trong những xã-hội văn-minh, con cái hoặc có thể có những liên-hệ phụ-tử quan-trọng hoặc những liên-hệ mẫu-tử quan-trọng tùy sở-thích chủ-quan hay cá-nhân của nó. Tùy-thích, nó có thể thương-yêu hay đề-cao thân-tộc bên cha hay bên mẹ. Vấn-đề xã-hội ? Không. Vấn-đề cá-nhân. Vâng. Đồng-thời một cá-nhân có thể kế-vị thừa-kế hoặc bà-con bên cha hoặc bà-con bên mẹ không theo một thứ-tự ưu-tiên xã-hội nào cả. Vậy không có gia-tộc, không có tử-hệ đơn-phương. Tình-trạng này được phản-ảnh trong danh-biểu thân-tộc : ở Pháp anh/em cha và anh/em mẹ được gọi bằng một danh-từ : Oncle; chị/em cha và chị/em mẹ được

gọi bằng một danh-từ : Tante. Ở Anh-cát-lợi anh/em cha và anh/em mẹ được gọi bằng một danh-từ : Uncle; chị/em cha và chị/em mẹ được gọi bằng một danh-từ : Aunt.

Hãy nhìn sang một xã-hội thô-sơ : xã-hội LOZI ở Phi-châu. Người LOZI có phong-tục định-cư và lập-nghiệp trên những ngọn đồi nhỏ - bé rải - rạc và tản-mác khắp xứ. Hơn nữa đến mùa ngập-lụt họ phải di-cư lên cao hơn. Vậy hoàn-cảnh sinh-hoạt khó-khăn ấy làm cho dân-tộc này không thể thành-lập những đoàn-thể gia-tộc đơn-phương rộng-lớn và vững-bền : mỗi ngọn đồi nhỏ-bé là nơi trú-ân của một làng-mạc gồm ít nhất 2, 3 người và trung-bình từ 6 đến 10 người. Số người ít-ỏi này do những hạng thân-thích rất tạp dị làm thành : thân-thuộc bên nội; thân-thuộc bên ngoại của bên nội; thân-thuộc bên ngoại; thân-thuộc bên nội của bên ngoại. Người LOZI không có những đoàn-thể thân-tộc được tổ-chức và có cơ-cấu rành-rẽ. Mọi đứa con hợp-pháp hay không hợp-pháp có quyền định-cư ở làng của cha của mẹ nó hay ở làng của mẹ của mẹ nó, ở làng của cha của cha nó hay ở làng của mẹ của cha nó. Định-cư và thừa-kế ở đâu cũng được tùy-thích và tùy-tiện. Không có đoàn-thể thân-tộc đơn phương có ưu-tiên. Nhà ở của một đứa con đúng ra là nhà của cha nó, và đồng-thời nó thừa-kế ở làng cha nó. Nhưng làng cha nó có thể là làng của cha của cha nó hay của mẹ của cha nó. Nếu

gọi bằng một danh-từ : Tante. Ở Anh-cát-lợi anh/em cha và anh/em mẹ được gọi bằng một danh-từ : Uncle; chị/em cha và chị/em mẹ được gọi bằng một danh-từ : Aunt.

Hãy nhìn sang một xã-hội thô-sơ : xã-hội LOZI ở Phi-châu. Người LOZI có phong-tục định-cư và lập-nghiệp trên những ngọn đồi nhỏ-bé rải-rác và tản-mác khắp xứ. Hơn nữa đến mùa ngập-lụt họ phải di-cư lên cao hơn. Vậy hoàn-cảnh sinh-hoạt khó-khăn ấy làm cho dân-tộc này không thể thành-lập những đoàn-thể gia-tộc đơn-phương rộng-lớn và vững-bền : mỗi ngọn đồi nhỏ-bé là nơi trú-ân của một làng-mạc gồm ít nhất 2, 3 người và trung-bình từ 6 đến 10 người. Số người ít-ỏi này do những hạng thân-thích rất tạp dị làm thành : thân-thuộc bên nội; thân-thuộc bên ngoại của bên nội; thân-thuộc bên ngoại; thân-thuộc bên nội của bên ngoại. Người LOZI không có những đoàn-thể thân-tộc được tổ-chức và có cơ-cấu rành-rẽ. Mọi đứa con hợp-pháp hay không hợp-pháp có quyền định-cư ở làng của cha của mẹ nó hay ở làng của mẹ của mẹ nó, ở làng của cha của cha nó hay ở làng của mẹ của cha nó. Định-cư và thừa-kế ở đâu cũng được tùy-thích và tùy-tiện. Không có đoàn-thể thân-tộc đơn phương có ưu-tiên. Nhà ở của một đứa con đúng ra là nhà của cha nó, và đồng-thời nó thừa-kế ở làng cha nó. Nhưng làng cha nó có thể là làng của cha của cha nó hay của mẹ của cha nó. Nếu

đưa con ấy xích-mịch với cha hay bà-con bên cha của nó, nó có thể bỏ nhà sang ở nhà của mẹ nó và nhà này có thể là nhà của cha của mẹ nó hay của mẹ của mẹ nó. Có nhiều trường-hợp người LOZI sinh-trưởng ở nhà của mẹ của mẹ của cha nó và của mẹ của mẹ của mẹ nó. Tập-quán LOZI cho rằng đưa con thuộc về cả hai bên. Lớn lên, nó tự-do định-đoạt chỗ ở của nó : ở với cha hay bà-con bên cha hay ở với mẹ hay bà-con bên mẹ. Một vấn-đề tâm-lý. Sự thiếu hệ-thống, sự không chọn-lọc và sự không định-hướng ấy ở trong tổ-chức thân-tộc đều do hoàn-cảnh thiên-nhiên và tình-trạng kinh-tế gây nên. Trên những ngọn đồi nhỏ-bé nơi sinh-hoạt của xã-hội này, người chủ gia-đình không tài nào có đủ đất-đai để phân-chia cho tất cả con-cái của mình và của anh em trai mình. Ai không có phần đất thì đành phải đi xin một người bà-con khác thuộc bất - kỳ một loại thân - thích nào : nội hay ngoại; nội của ngoại hay ngoại của nội; ngoại của nội hay nội của ngoại.

Vậy trong một chế-độ không phân-biệt tử-hệ, không có những đoàn-thề thân-tộc đơn-phương như những gia-tộc phụ-hệ hay những gia-tộc mẫu-hệ gồm bà-con một bên lại thành một khối duy-nhất có những quyền-lợi và bổn-phận chung và được định sẵn một cách có quy-luật và hệ-thống về chỗ ở, công-việc sản-xuất, những liên-hệ phụ-tử hay mẫu-tử, sự thừa-kế và sự kế-vị.

Những liên-hệ thân-tộc trong chế-độ không phân-biệt tử-hệ, vì không có hệ-thống, nên được phân-chia ra nhiều nhánh mà không có nhánh nào có ưu-tiên.

Hãy nhìn sự phân-nhánh không có quy-luật ấy :

Thế-hệ tôi : Tôi. (1)

Thế-hệ thứ 1 trên tôi : Cha ; Mẹ. (2)

Thế-hệ thứ 2 trên tôi : Cha của cha ; Mẹ của cha.

Cha của mẹ ; Mẹ của mẹ. (4)

Thế-hệ thứ 3 trên tôi : Cha của cha của cha ; Mẹ của cha của cha ; Cha của mẹ của cha ; Mẹ của mẹ của cha ; Cha của cha của mẹ ; Mẹ của cha của mẹ ; Cha của mẹ của mẹ ; Mẹ của mẹ của mẹ. (8)

Thế-hệ thứ 4 trên tôi : Cha của cha của cha của cha ; Mẹ của cha của cha của cha ; Cha của mẹ của cha của cha ; Mẹ của mẹ của cha của cha ; Cha của cha của mẹ của cha ; Mẹ của cha của mẹ của cha ; Cha của mẹ của mẹ của cha ; Mẹ của mẹ của mẹ của cha ; Cha của cha của cha của mẹ ; Mẹ của cha của cha của mẹ ; Cha của mẹ của cha của mẹ ; Mẹ của mẹ của cha của mẹ ; Cha của cha của mẹ của mẹ ; Mẹ của cha của mẹ của mẹ ; Cha của mẹ của mẹ của mẹ ; Mẹ của mẹ của mẹ của mẹ. (16)

Thế-hệ thứ 5 trên tôi : (32)

Thế-hệ thứ 6 trên tôi : (64)

Thế-hệ thứ 7 trên tôi : (128)

Trong đám thân-thuộc hỗn-tạp và ô-hợp trên, không một loại thân-thuộc nào có ưu-tiên. Vậy trí-nhớ tập-thể khó mà ghi-nhớ một cách vững-bền số bà-con rộng-lớn ấy. Ta có thể nói rằng trong chế-độ này người ta chú-trọng đến lượng hơn đến phẩm.

Ngay hôn-nhân cũng chịu ảnh-hưởng nguy-hại của chế-độ thiếu hệ-thống ấy. Vì người đàn-bà sinh-đẻ cho nhiều gia-tộc chứ không phải cho một gia-tộc nhất-định nên luật-lệ không bắt-buộc họ phải thủy-chung với chồng họ. Luật-pháp cho họ và chồng họ nhiều sự dễ-dãi trong việc ly-dị. Con sinh ra không bắt-buộc phải theo cha. Vậy gia-đình ở trong chế-độ này không được vững-chãi lắm.

D

Chế-độ song-hệ

Chế-độ phụ-hệ đề-cao gia-tộc hay thị-tộc phụ-hệ. Chế-độ mẫu-hệ đề-cao gia-tộc hay thị-tộc mẫu-hệ. Chế-độ không phân-biệt tử-hệ không đếm-xỉa đến, xem thường gia-tộc hay thị-tộc

Thế thì chế-độ song-hệ, như danh-từ cho ta hiểu, thừa-nhận đồng-thời sự quan-trọng của gia-tộc hay thị-tộc phụ-hệ và của gia-tộc hay thị-tộc mẫu-hệ. Nhưng mỗi một gia-tộc hay thị-tộc có những quyền-lợi và bổn-phận riêng-biệt được xác-định trong những khu-vực hay phạm-vi khác nhau và có ranh-giới rõ-rệt.

Hãy lấy xã-hội YAKỐ (Phi-châu) để minh-chứng những mệnh-đề trừu-tượng trên :

Kepun là tên của gia-tộc hay thị-tộc phụ-hệ của người YAKỐ. Kepun áp-dụng phong-tục ngoại-hôn, là một đơn-vị đất-đai thuần-nhất gồm có nhiều gia-tộc phụ-hệ sống chung với nhau trong một vùng đất nhất-định mà họ khai-khẩn, kiểm-soát. Mỗi một Kepun có một nhà thờ thị-tộc một nhà hội-họp công-cộng trong vùng-đất của nó. Bất-động-sản như nhà-đất, được thừa-hưởng trong thị-tộc phụ-hệ. Điều quan-trọng này được phản-ảnh trong danh-từ ám-

chỉ một Kepun : Ví-dụ chữ Loseni tên của một Kepun là một tên cây-cối. Vậy tên ấy không nhắc-nhở đến tổ-tiên thật hay thần-thoại của Kepun, trái lại ghi-chép hoàn-cảnh địa-phương, quang-cảnh địa-lý của Kepun. Hơn nữa những bà-con cùng một chỗ ở vì cùng một Kepun phải tương-trợ nhau trong những sinh-hoạt tập-thể như làm ruộng, cuốc đất vậy. Thế thì sự liên-đới giữa những thân-thích cùng một thị-tộc phụ-hệ có tính-chất kinh-tế, xã-hội thực-tiến.

Lejima là tên của thị-tộc mẫu-hệ YAKO. Giữa những thân-thuộc cùng Lejima có những quyền-lợi và bổn-phận hỗ-tương khác với những quyền-lợi và bổn-phận trong Kepun. Thật vậy, nếu bất-động-sản được thừa-hưởng trong Kepun thì động-sản được thừa-hưởng trong Lejima : trâu bò, tiền-bạc, tiền cưới-hỏi. Lejima có bổn-phận bồi-thường người chồng khi con gái mình bỏ chồng ra đi không nguyên-do chính-đáng, trả nợ cho bà-con, nhận-lãnh và trả tiền bồi-thường cho bà-con trong những dịp ầu-đả. Quyền-lợi và bổn-phận trong thị-tộc mẫu-hệ được dựa trên những giá-trị tôn-giáo và thần-bí, có tính-chất thần-bí và tôn-giáo. Những quan-niệm thần-linh ấy có công-dụng bảo-đảm sự trường-tồn của đoàn-thể, gây hạnh-phúc cho nhân-dân, đem lại thịnh-vượng cho xã-hội. Tượng-trung cho lý-tưởng ấy là người đàn-bà.

BẢNG TÓM-LƯỢC

<div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> Chế-độ Tử-hệ → </div> <div style="text-align: center; margin-top: 5px;">↓</div>	Phụ-hệ	Mẫu-hệ
Chế-độ Phụ - hệ	+	-
Chế-độ Mẫu - hệ	-	+
Chế-độ không phân- biệt tử-hệ	-	-
Chế-độ song-hệ	+	+

Hình 9

IV

Kết - luận

Nguyên-tắc độc-phương

Tử-hệ chỉ có ích-lợi và công-dụng khi có thể kết-tập thành-thích lại thành một khối, một đoàn-thể rộng-lớn, vững-chắc, có cơ-cấu khúc-chiết và bền-bĩ trong thời-gian và không-gian. Vậy nó phải dựa trên nguyên-tắc nào để có thể thích-hợp với vai-trò quan-trọng của nó về những mặt kinh-tế, chính-trị, xã-hội, tôn-giáo... vai-trò tương-đương với vai-trò những tổ-chức kinh-tế, chính-trị, xã-hội, tôn-giáo .. biệt-lập của những xã-hội văn-minh, không đề-cao thân-tộc.

Có hai nguyên-tắc : nguyên-tắc nhị-phương (bilatéralisme) và nguyên-tắc độc-phương (unilatéralisme). Nguyên-tắc tử-hệ nào chính-xác và ưu-tiên ?

Những nhà nhân-chủng-học đầu-tiên đã có công-lao nêu rõ sự khác nhau giữa tổ-chức thân-tộc của những xã-hội văn-minh và tổ-chức thân-tộc của những xã-hội thô-sơ. Họ cho rằng gia-đình trong những xã-hội văn-minh vừa thừa-nhận bà-con bên cha vừa thừa-nhận bà-con bên mẹ. Trong lúc ấy những đoàn-thể thân-tộc thô-sơ : thị-tộc, nử. . . chỉ thừa-

nhận thân-tộc một bên : nếu thừa-nhận thân-tộc bên cha thì triệt-đề, tuyệt-đối loại-trừ thân-tộc bên mẹ, nếu thừa-nhận thân-tộc bên mẹ thì triệt-đề, tuyệt-đối loại-trừ thân-tộc bên cha. Chế-độ phụ-hệ và chế-độ mẫu-hệ. Những nhà nhân-chủng-học đầu-tiên ấy cho rằng chế-độ mẫu-hệ không thừa-nhận một mối quan-hệ xã-hội nào cả giữa cha và con ; người cha chỉ là một người khách-trợ, một người lạ trong thị-tộc của con nó và của mẹ của con nó. Hoàn-cảnh trái-ngược trong một chế-độ phụ-hệ. Quan-điểm ấy đúng ở chỗ nó cho thấy sự quan-trọng của những tổ-chức rộng-lớn và vững-bền hơn gia-đình vì được dựa trên nguyên-tắc độc-phương : thị-tộc, gia-tộc, nira... Nhưng đó là một quan-điểm cực-đoan, cực-đoan vì cho rằng trong những xã-hội thô-sơ không có gia-đình vì nguyên-tắc cấu-tạo gia-đình — như ta đã biết — là nguyên-tắc nhị-phương. Song gia-đình hiện-diện trong mọi xã-hội thô-sơ hay văn-minh. Năm 1905, SWANTON đã bắt-đầu ngờ vực những quy-phạm giả-tạo trên : không những có gia-đình trong mọi xã-hội mà những tổ-chức thân-tộc một bên lại còn thừa-nhận một phần nào bên thân-tộc đối-lập.

Nhưng rời quan-điểm thứ hai này lại sai-lầm lúc cho rằng những tổ-chức nhị-phương là những tổ-chức phổ-quát nhất. Thế thì nguyên-tắc ưu-tiên là nguyên-tắc nhị-phương? Sở dĩ quan-điểm này mạnh-dạn phán-đoán như vậy là nhờ sự khám

phá (rất mới-mẻ lúc bảy giờ) những tổ-chức song-hệ. Nhưng thật ra tổ-chức song-hệ là một sự kết-hợp một sự liên-kết có hệ-thống và chiều-hướng nhất-định giữa hai đoàn-thể thân-tộc độc-phương mỗi một đoàn-thể độc-phương (thân-tộc bên cha hay thân-tộc bên mẹ) có những quyền-lợi, bổn-phận công-dụng rõ-rệt và riêng-biệt.

Vậy ta phải phân-biệt tổ-chức song-hệ này trước hết với những hình-thức nhị-phương lơ-mờ làm mọi xã-hội đều thừa-nhận những quan-hệ tâm-lý và tình-cảm hồn-nhiên giữa con và cha / mẹ, sau nữa với những hình-thức nhị-phương xác-đáng làm cho vài xã-hội có thể xây-dựng những định-chế hết sức mông-manh trên những cơ-sở tâm-lý như những xã-hội Semang, Nambikwara, Andaman, Bocchiman, Fuegien, cuối-cùng với những chế-độ không-phân-biệt-tử-hệ chủ-trương một sự lẫn-lộn một sự trà-trộn giữa hai đoàn-thể thân-tộc độc-phương trong quyền-lợi, bổn-phận và công dụng.

Trong những xã-hội chưa có tổ-chức chính-trị luật-pháp và kinh-tế vững-chắc, phức-tạp và biệt-lập, chỉ những đoàn-thể thân-tộc độc-phương mới có thể đảm-nhiệm vai-trò kinh-tế, chính-trị và luật-pháp. Những xã-hội nhị-phương có một bộ máy

th-trị và luật-pháp phức-tạp và có hệ-thống
hững ngoại-lệ: xã-hội Germain theo RADCLIFFE-
WYN và xã-hội Abelam theo LÉVI-STRAUSS.

Nhưng nếu nguyên-tắc độc-phương là một
yên-tắc ưu-tiên thì trái lại vì có gia-đình trong
xã-hội, nên không có một tổ-chức độc-phương
không thừa-nhận ít nhất, sự hiện-hữu của
thân-tộc đối-lập. Đáng khác những xã-hội đi
nhất trong sự không-phân-biệt-tử-hệ, như
xã-hội Âu-Tây chủ-trương người con có thể
đi hay thừa-kế không trật-tự ưu-tiên cả cha và
mẹ bên cha lẫn mẹ và bà-con bên mẹ, những
xã-hội ấy trái lại theo nguyên-tắc độc-phương
ng sự truyền họ: con lấy họ cha. Thế thì giữa
những chế-độ song-hệ, những chế-độ không-phân-
biệt-tử-hệ và những chế-độ độc-hệ không có một
ngăn-rào kín-mít.

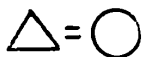
Phụ - lục

DẤU - HIỆU



đàn ông

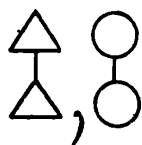
đàn bà



vợ - chồng



anh em, chị em



cha và con trai, mẹ và con gái



đối lập



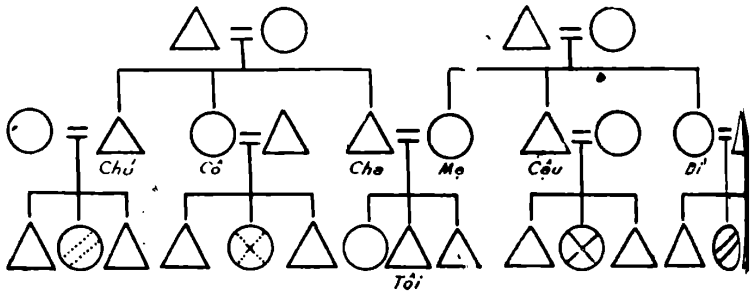
biệt - xưng







hợp - xưng

có, không có; thừa-nhận, phủ-nhận;
hiện-diện, khiếm-diện.

BỐN LOẠI CHỊ EM HỌ



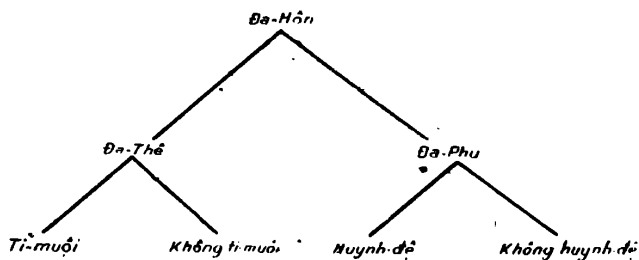
-  chị em họ tréo bên mẹ (cousine croisée matrilatérale) hay con gái cậu.
-  chị em họ tréo bên cha (cousine croisée patrilatéral) hay con gái cô.
-  chị em họ song-song bên mẹ (cousine parallèle matrilatérale) hay con gái dì.
-  chị em họ song-song bên cha (cousine parallèle patrilatérale) hay con gái chú (bác).

Trong trường-hợp cậu tôi lấy cô tôi, con gái cậu tôi là con gái cô tôi. Ở đây ta có một người chị em họ tréo song-phương (cousine croisée bilatérale).

Cậu tôi lấy cô tôi là do một nguyên-tắc hỗ-tương trực-tiếp và đơn-giản nhất. Nếu cha tôi lấy em gái của cậu tôi thì cậu tôi có quyền lấy em gái cha tôi là cô tôi. Sự hỗ-tương này được thể-hiện rõ-rệt trong phong-tục trao đổi chị em gái (échange de soeurs).

Loại ↓	Bên →	
	Bên mẹ	Bên cha
Chị em họ x bên mẹ	+	-
Chị em họ x bên cha	-	+
Chị em họ x song phương	+	+

PHONG - TỤC ĐA - HÔN



Một người chồng đa-thê có thể lấy hai hay nhiều chị-em ruột làm vợ. (Đa-thê tỉ-muội. Polygynie sororale / Polygynie non-sororale).

Một người đàn-bà đa-phu có thể lấy hai hay nhiều anh-em ruột làm chồng. (Đa-phu huynh-đệ. Polyandrie fraternele / Polyandrie non-fraternele).

Đa-hôn (Polygamie) bao gồm cả đa-thê và đa-phu.

SÁCH THAM-KHẢO CHỌN-LỌC

CADIÈRE, L :

1958 — Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens. 3 tomes. Paris.

ĐÀO-DUY-ANH :

1951 — Việt-nam văn-hóa sử-cương. Saigon.

GRANET, M :

1939 — Catégories matrimoniales et relations de proximité dans la Chine ancienne. Paris.

HAN YI FÈNG :

1937 — The Chinese kinship system. Harvard journal of Asiatic studies — vol 2 n° 2.

LÉVI-STRAUSS, C :

1949 — Les structures élémentaires de la parenté. Paris.

1955 — Tristes tropiques. Paris.

1958 — Anthropologie structurale. Paris.

LOWIE, R.H :

1920 — Primitive society. New-York.

1948 — Social organization. New-York.

MURDOCK. G.P :

1949 — Social structure. New-York.

PHAN-KẾ-BÍNH :

1915 — Việt-nam phong-tục. Hanoi.

RADCLIFFE-BROWN, A.R :

1924 — The mother's brother in South Africa,
South African journal of Science, 21.

1940 — On Joking relationships, Africa, 13.

1940 — On Social structure, Journal of the Ro-
yal Anthropological Institute, vol 70.

1941 — The Study of kinship systems, Journal
of the Royal Anthropological Institute,
vol 70.

1950 — African systems of kinship and marriage. Oxford.

1952 — Structure and function in Primitive
society. Glencoe III.

MỤC - LỤC

PHẦN I

Danh-từ thân-tộc

I.— Định-nghĩa.	7
II.— Cách xử-dụng	8
III.— Cơ-cấu ngôn-ngữ	11
IV.— Phạm-vi ứng-dụng	13

PHẦN II

Từ-hệ

I.— Định-nghĩa.	65
II.— Phụ-hệ và Mẫu-hệ	66
III.— Bốn loại từ-hệ.	82
IV.— Kết-luận	112
Phụ-lục	117
Sách tham-khảo chọn lọc	123
Mục-lục	

ĐÍNH CHÁNH

Trang	Hàng	In sai	Sửa lại
22	9	Cơ-cấu, ngôn- ngữ	Cơ-cấu ngôn ngữ
74	7	maîtrese	maîtresse
75	2	prestation	prestations
75	7	globael	globale
109	20-21	nhà-đất	nhà cửa, ruộng đất

In tại Nhà in TUYẾT-VÂN
367, Trần-Hưng-Đạo Saigon